

SỐNG CHUNG CÙNG GIỚI

Trải nghiệm thực tế và Mưu cầu hạnh phúc lứa đôi



Viện Nghiên cứu Xã hội, Kinh tế và Môi trường

SỐNG CHUNG CÙNG GIỚI

Trải nghiệm thực tế và Mơ cầu hạnh phúc lứa đôi

Nguyễn Thị Thu Nam; Vũ Thành Long; Phạm Thanh Trà

Nhà xuất bản Thế Giới

MỤC LỤC

1. Giới thiệu	7
2. Phương pháp nghiên cứu	9
2.1. Nghiên cứu định lượng	9
2.1.1. Phương pháp thực hiện	9
2.1.2. Đặc điểm nhân khẩu – xã hội – kinh tế của mẫu nghiên cứu	11
2.2. Nghiên cứu định tính	13
2.2.1. Địa điểm	13
2.2.2. Cách chọn mẫu	13
2.2.3. Thời gian và cách thu thập thông tin định tính	14
2.2.4. Xử lý thông tin định tính	15
3. Đặc điểm tính dục và những trải nghiệm đời sống LGBT	16
3.1. Xác định xu hướng tính dục	16
3.2. Bộc lộ về xu hướng tính dục	19
3.3. Trải nghiệm với các hình thức kỳ thị khi là LGBT	20
3.3. Hôn nhân dị tính	21
4. Tình yêu cùng giới: Trải nghiệm thực tế và những mưu cầu cuộc sống lứa đôi	24
4.1. Tình yêu cùng giới và nhu cầu cuộc sống chung	24
4.1.1. Lý do quyết định sống chung và những kỳ vọng từ cuộc sống chung	25
4.1.2. Những trông đợi, kỳ vọng từ cuộc sống chung	25
4.1.3. Hiện thực hóa cuộc sống chung	27

4.2. Thực tế cuộc sống chung qua các mối quan hệ	28
4.2.1. Chia sẻ kinh tế cho cuộc sống chung	28
4.2.2. Quan hệ giới và chia sẻ công việc hàng ngày của cuộc sống chung	31
4.2.3. Chia sẻ trách nhiệm với bạn tình và gia đình bạn tình	33
4.2.4. Quan hệ tình yêu và tình dục	37
4.2.5. Quan hệ con cái	39
4.3. Nhu cầu để gia đình hai bên thừa nhận cuộc sống chung	43
5. Những khó khăn từ cuộc sống chung	45
5.1. Trải nghiệm những khó khăn thực tế	45
5.1.1. Xung đột, khó khăn nảy sinh từ phía hai người sống chung	46
5.1.2. Khó khăn nảy sinh từ phía gia đình và những người xung quanh	50
5.1.3. Khó khăn nảy sinh từ các vấn đề hành chính, pháp lý liên quan đến cuộc sống chung	52
6. Nhu cầu hình thành quan hệ hôn nhân	54
6.1. Quan điểm và nhu cầu đối với các hình thức công nhận pháp luật đối với quan hệ cùng giới	54
6.2. Hệ quả khi pháp luật không thừa nhận sống chung cùng giới	64
7. Kết luận và Khuyến nghị	66
7.1. Kết luận	66
7.2. Khuyến nghị	69
Phụ lục	72
Các bảng phân tích tương quan	72
Tài liệu tham khảo	83

1. GIỚI THIỆU

Tháng 5 năm 2012 Bộ Tư pháp gửi công văn 3460/BTP-PLDSKT về việc lấy ý kiến các cơ quan hữu quan về sửa đổi Luật Hôn nhân Gia đình 2000, trong đó có nội dung liên quan đến mối quan hệ chung sống giữa hai người cùng giới. Ngay sau đó, tranh luận về vấn đề này đã diễn ra rất sôi nổi trên các mạng xã hội và báo viết. Các ý kiến xoay quanh những lý giải về sự ủng hộ hoặc phản đối quan hệ hôn nhân giữa hai người cùng giới. Mặc dù người đồng tính, cộng đồng người đồng tính và cuộc sống giữa hai người cùng giới là những vấn đề được xã hội quan tâm gần đây, nhưng thông tin và kiến thức về những vấn đề đó còn rất nhiều hạn chế. Nghiên cứu về cộng đồng người đồng tính tại Việt Nam bắt đầu từ đầu những năm 2000, chủ yếu tập trung vào các hành vi tình dục nguy cơ của nhóm quan hệ tình dục đồng giới nam (1-4). Từ năm 2009, các nghiên cứu bắt đầu mở rộng hướng nghiên cứu, tìm hiểu các khía cạnh khác của cuộc sống như quan niệm và trải nghiệm về xu hướng tính dục, bản dạng giới, tình yêu, mối quan hệ với gia đình (5-7). Định kiến, kỳ thị và phân biệt đối xử của những người xung quanh với người đồng tính là một khía cạnh nổi bật trong tất cả các nghiên cứu về cộng đồng đồng tính. Tuy nhiên, chưa có nghiên cứu nào về mối quan hệ chung sống giữa hai người cùng giới. Để xã hội có thêm hiểu biết về lĩnh vực này, Viện Nghiên cứu Xã hội, Kinh tế và Môi trường đã tiến hành nghiên cứu “Sống chung cùng giới”. Nghiên cứu sẽ trả lời 3 câu hỏi chính sau:

- Thực trạng mối quan hệ đồng giới hiện nay ở Việt Nam như thế nào?
- Bản chất mối quan hệ chung sống hiện nay của người đồng giới và nhu cầu hôn nhân của họ?

- Những khó khăn, hậu quả mà các cặp chung sống đồng giới phải đối mặt khi mối quan hệ đồng giới chưa được xã hội và luật pháp công nhận?

Trong nghiên cứu này, khi đề cập về mối quan hệ sống chung giữa hai người cùng giới, chúng tôi muốn nói đến mối quan hệ sống chung dựa trên tình yêu và tình dục, chứ không phải là mối quan hệ sống chung như bạn bè. Chúng tôi không sử dụng từ sống chung như vợ chồng vì đó là mối quan hệ giữa hai người khác giới. Hơn nữa, khi sử dụng cụm từ “sống chung như vợ chồng” sẽ khiến cho nghiên cứu vướng vào lối mòn so sánh cuộc sống, mối quan hệ của người đồng tính với người dị tính. Nếu dùng cụm từ này có thể sẽ vô tình đặt ra một thước đo chuẩn là mối quan hệ vợ chồng dị tính. Trên thực tế, có thể cuộc sống chung giữa hai người cùng giới có những đặc điểm không giống mối quan hệ vợ chồng dị tính, ví dụ sự phân chia vai trò giới. Thay vào đó, trong nghiên cứu này, chúng tôi chỉ sử dụng từ *sống chung cùng giới* và bản chất của mối quan hệ sống chung này sẽ được trình bày ở các khía cạnh gồm: quan điểm, nhu cầu và quyết định của người tham gia nghiên cứu về cuộc sống chung cùng giới; trải nghiệm của họ về cách sắp xếp, tổ chức cuộc sống chung giữa hai cá nhân và cuộc sống chung của họ với gia đình hai bên, bạn bè và các mối quan hệ xã hội khác. Cuối cùng, chúng tôi sẽ trình bày những khó khăn các cặp đồng tính gặp phải khi xã hội, pháp luật ở Việt Nam chưa thừa nhận mối quan hệ này.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Để tìm hiểu mối quan hệ sống chung cùng giới, nhóm nghiên cứu áp dụng cả phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng. Nghiên cứu định lượng sẽ tìm hiểu số lượng, tỷ lệ những người đồng tính hiện đang có mối quan hệ sống chung với một người cùng giới, mức độ sống chung, cam kết và chia sẻ của các mối quan hệ này, khó khăn gặp phải của mối quan hệ này và nhu cầu, mong muốn từ luật pháp liên quan đến thực trạng cuộc sống chung đó. Trong khi nghiên cứu định tính sẽ tìm hiểu sâu hơn bản chất mối quan hệ chung sống.

2.1. Nghiên cứu định lượng

2.1.1. Phương pháp thực hiện

Hiện nay nhóm đồng tính vẫn được coi là nhóm dân số ẩn (underground), do việc đi phỏng vấn bằng hỏi trực tiếp với nhóm này là điều rất khó khăn. Việc chọn mẫu dây chuyền có kiểm soát (Responding Driven Sampling RDS) cũng thường được áp dụng cho nghiên cứu trên quần thể dân số khó tiếp cận, tuy nhiên phương pháp này đòi hỏi nguồn lực nhiều để có thể tiến hành điều tra qui mô toàn quốc. Do vậy, chúng tôi chọn cách thu thập thông tin định lượng thông qua điều tra trực tuyến trên các diễn đàn dành cho người đồng tính ở Việt Nam.

Bảng câu hỏi trực tuyến được thực hiện với trang web chuyên hỗ trợ nghiên cứu điều tra trực tuyến SurveyMonkey (surveymonkey.com) - một trang web cung cấp dịch vụ thu thập số liệu định lượng trực tuyến uy tín trên thế giới. Đường dẫn đến bộ câu hỏi trực tuyến được đăng lên các diễn đàn và trang tin dành cho LGBT trong thời gian một tháng (12/2012) tiến hành thu thập số liệu. Những diễn đàn/

trang tin này đều là những không gian giao lưu và trao đổi nổi tiếng của cộng đồng LGBT và có số thành viên chính thức đăng ký khá lớn, bao gồm: Taoxanh.net (65.000 thành viên, phần đông là người đồng tính nam thuộc độ tuổi trẻ từ 14 đến 25), tinhyeutraiviet.com (59.000 thành viên, phần đông là người đồng tính nam, thuộc độ tuổi trưởng thành, nhiều người trung niên và đã lập gia đình), vuontinhnhan.net (diễn đàn đồng tính nam với số thành viên lên đến 150.000 người), bangaivietnam.net (diễn đàn đồng tính nữ, với số thành viên 15.000), lesking.com.vn (diễn đàn người chuyển giới từ nữ sang nam, với 17.500 thành viên).

Trong vòng một tháng tiến hành điều tra trực tuyến, tổng số người truy cập vào đường dẫn điều tra là 2.997, trong số đó 2.483 người đã hoàn thành phần trả lời. Kết quả cho thấy, thành phố Hồ Chí Minh tập trung phần đông số mẫu nghiên cứu nhất (56.9%), tiếp đó là Hà Nội (15.3%). Việc số lượng người tham gia ở Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh cao hơn hẳn tại các địa bàn khác có thể do tiếp cận đến Internet tại những địa bàn này sẵn có hơn, và đồng thời tại hai địa bàn này nhóm dân số LGBT với chủ đề này cũng cởi mở hơn và sẵn sàng tham gia chia sẻ về bản thân hơn. Số lượng người tham gia là nữ thấp hơn khoảng một nửa so với số người tham gia là nam có thể giải thích bởi số đường dẫn được gửi trên các diễn đàn dành cho nam nhiều hơn.

Việc tham gia vào trả lời bộ câu hỏi trực tuyến hoàn toàn trên tinh thần tự nguyện của người trả lời. Trước khi bắt đầu vào nội dung bảng câu hỏi, chúng tôi cung cấp một trang mở đầu, nêu ra đầy đủ mục đích của cuộc điều tra cũng như giới thiệu về những chủ đề mà cuộc điều tra này sẽ tìm hiểu đến. Người trả lời sau đó sẽ lựa chọn giữa việc đồng ý và không đồng ý với việc tham gia vào cuộc điều tra này. Với những người không đồng ý tham gia, bộ câu hỏi lập tức chuyển đến phần kết thúc. Chỉ với những người đã đồng ý tham gia, bộ câu hỏi trực tuyến mới chính thức được tiến hành. Do việc tham gia vào cuộc điều tra là hoàn toàn trực tuyến và khuyết danh, để đảm bảo tính chính xác của thông tin thu được, chúng tôi đặt chế độ lọc IP (mỗi một địa chỉ IP chỉ có thể tham gia trả lời một lần), đồng thời trong bộ câu hỏi có một số câu mang tính logic nhằm kiểm định

lại độ chính xác của thông tin được cung cấp trong quá trình phân tích về sau.

Việc làm sạch số liệu được tiến hành ngay sau khi kết thúc một tháng thu thập số liệu. Các bản ghi có các phần trả lời mâu thuẫn về logic với nhau và các bản ghi có nhiều thông tin bỏ trống đều bị loại ra khỏi bộ dữ liệu phân tích cuối cùng. Việc phân tích số liệu sử dụng phần mềm SPSS.

Bảng 1: Phân bố mẫu nghiên cứu định lượng theo địa bàn

Địa bàn	Nam		Nữ		Tổng	
	%	N	%	N	%	N
Hà Nội	13.00	214	20.00	166	15.30	380
Đà Nẵng	2.30	38	1.80	15	2.10	53
TP. Hồ Chí Minh	58.20	962	54.40	452	56.90	1414
Các tỉnh miền Bắc khác	5.80	96	4.80	40	5.50	136
Các tỉnh miền Trung khác	5.90	98	5.70	47	5.80	145
Các tỉnh miền Nam khác	14.80	244	13.40	111	14.30	355
Tổng cộng		1.652		8.31		2.483

2.1.2. Đặc điểm nhân khẩu – xã hội – kinh tế của mẫu nghiên cứu

Phần đông người trả lời thuộc nhóm tuổi trẻ (tuổi trung bình là hơn 20 tuổi, người nhỏ tuổi nhất là 16, lớn tuổi nhất là 62), do đa số đến từ các diễn đàn dành cho LGBT với các thành viên chủ yếu đang là học sinh, sinh viên, và những người trẻ tuổi khác. Đa số cho biết hiện đang sinh sống ở các khu vực đô thị hoặc thành phố lớn (78.9%), và có một tỷ lệ nhỏ số người tham gia hiện sống ở các vùng nông thôn (5.3%). Sự chênh lệch về tỷ lệ người tham gia ở hai khu vực địa bàn có thể được giải thích về sự sẵn có của internet ở các thành phố cao hơn ở nông thôn, cũng như sự cởi mở về chủ đề tình dục/tính dục ở các vùng thành thị cũng phổ biến hơn trong giới trẻ.

Bảng 2: Đặc điểm nhân khẩu, kinh tế, xã hội của mẫu định lượng

	Nam		Nữ		Tổng	
	%	N	%	N	%	N
Đặc điểm nhân khẩu						
Độ tuổi:						
16-24	87.10	1481	86.30	769	86.80	2250
25-34	10.70	182	12.60	112	11.30	294
35-49	1.90	32	1.00	9	1.60	41
50+	0.40	6	0.10	1	0.30	7
Tuổi trung bình	20	1701	20	891	20	2592
Nơi cư trú						
Thành thị, trung tâm thành phố	76.70	1305	83.20	741	78.90	2046
Ngoại thành	17.00	290	13.20	118	15.70	408
Nông thôn	6.20	106	3.60	32	5.30	138
Đặc điểm kinh tế - xã hội						
Trình độ học vấn						
Tiểu học trở xuống	0.70	12	0.30	3	0.60	15
THCS	18.20	309	16.40	146	17.60	455
PTTH	9.30	159	8.10	72	8.90	231
Trung cấp, cao đẳng, đại học và cao hơn	71.80	1221	75.20	670	73.00	1891
Tình trạng Nghề nghiệp						
Thất nghiệp/không đi làm/các công việc không tạo thu nhập	8.90	152	8.50	76	8.80	228
Đi làm toàn thời gian	31.90	543	31.90	284	31.90	827
Đang đi học/ vừa đi học vừa đi làm bán thời gian	59.10	1006	59.60	531	59.30	1537
Thu nhập trung bình tháng						
Không có thu nhập	40.30	685	38.40	342	39.60	1027
Dưới 1 triệu 1 tháng	9.20	157	10.10	90	9.50	247

Từ 1 đến dưới 3 triệu	17.60	299	18.70	167	18.00	466
Từ 3 đến dưới 5 triệu	13.10	223	13.70	122	13.30	345
Từ 5 đến dưới 10 triệu	11.60	197	10.10	90	11.10	287
Trên 10 triệu 1 tháng	8.20	140	9.00	80	8.50	220

Cũng do đặc điểm về độ tuổi như trên, đa phần mẫu nghiên cứu định lượng hiện đang đi học tại các trường phổ thông trung học hoặc các trường đại học/cao đẳng, khoảng 32% hiện đang đi làm toàn thời gian. Chính vì vậy, có một tỷ lệ khá lớn người trả lời trong nghiên cứu này hiện không có thu nhập (39.6%), còn với những người hiện đang có thu nhập, mức thu nhập trung bình một tháng đa phần vào khoảng từ 1 triệu đồng đến dưới 5 triệu đồng.

2.2. Nghiên cứu định tính

2.2.1. Địa điểm

Chúng tôi chọn Hà Nội và T.P Hồ Chí Minh là địa bàn để thu thập mẫu nghiên cứu định tính. Qua tìm hiểu thông tin ban đầu từ tổ chức cộng đồng người đồng tính ở Việt Nam, chúng tôi hiểu rằng các địa bàn tỉnh đều có các cặp sống chung cùng giới, tuy nhiên số lượng ít và khó tìm. Trong khi đó ở hai địa bàn thành phố Hà Nội và Hồ Chí Minh, số các cặp sống chung cùng giới nhiều hơn. Do vậy, nhóm nghiên cứu chỉ tập trung tìm các cặp sống chung cùng giới ở hai thành phố này.

2.2.2. Cách chọn mẫu

Đối tượng tham gia là những người tự xác định mình là đồng tính nam và nữ, tuổi từ 25 trở lên, đã và đang có cuộc sống chung với người đồng giới từ 3 năm trở lên. Trên thực tế, có rất nhiều bạn trẻ cũng có cuộc sống chung với người cùng giới. Tuy nhiên chúng tôi chọn lứa tuổi từ 25 trở lên vì tuổi kết hôn trung bình lần đầu ở Việt Nam của nam giới là 26, của nữ giới là 23(8) và do đó nam nữ đồng tính tuổi 25 trở lên được coi là lứa tuổi trưởng thành và có xu hướng cam kết cho cuộc sống lâu dài. Các cá nhân được mời tham gia phỏng vấn sâu. Sau đó người phỏng vấn sẽ xin ý kiến họ để phỏng vấn người cùng giới hiện đang chung sống với họ ở buổi phỏng vấn khác.

Nhóm nghiên cứu chọn mẫu thông qua kỹ thuật quả tuyết lăn (snowball). Trước tiên, nhóm nghiên cứu dựa vào mạng lưới cộng đồng người đồng tính có liên hệ với iSEE và ICS để tìm các cặp đôi sống chung cùng giới. Sau đó, từ các cặp đôi đồng ý tham gia phỏng vấn, họ sẽ giới thiệu tiếp những cặp đôi khác mà họ biết để tham gia nghiên cứu. Thu thập mẫu nghiên cứu tiếp diễn đến khi các thông tin thu thập được đạt mức độ bão hòa, nghĩa là không còn thu được thông tin mới từ những người phỏng vấn nữa. Trên thực tế, sau khi tiến hành phỏng vấn 20 người đồng tính nam và nữ, thông tin của các chủ đề chính đã bão hòa và chúng tôi quyết định ngừng phỏng vấn.

Tuy nhiên, nghiên cứu này có hạn chế về mẫu. Mạng lưới cộng đồng có liên hệ, cộng tác với iSEE và ICS gồm những người thuộc nhóm trí thức, có công ăn việc làm và thu nhập ổn định. Do vậy, những người tham gia phỏng vấn hầu hết thuộc nhóm này. Bên cạnh đó, thông tin về các cặp chung sống ở vùng nông thôn rất ít, do đó chúng tôi không thể tiếp cận. Như vậy các thông tin nghiên cứu định tính mà chúng tôi thu thập được không phản ánh thực trạng mối quan hệ và những khó khăn của cuộc sống chung đồng giới ở vùng nông thôn. Tuy nhiên, nghiên cứu định lượng sẽ phần nào phân tích các thông tin của nhóm này.

2.2.3. Thời gian và cách thu thập thông tin định tính

Thời gian chọn mẫu phỏng vấn kéo dài từ tháng 09 đến tháng 11 năm 2012. Cá nhân có đủ điều kiện được mời tham gia vào phỏng vấn sâu vào thời gian và địa điểm do người tham gia tự chọn để đảm bảo tính bảo mật và thuận tiện nhất. Người phỏng vấn là cán bộ nghiên cứu được đào tạo chuyên ngành nhân học, xã hội học và có kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tình dục, thiếu số tình dục cũng như kinh nghiệm thực hiện các kỹ thuật trong phỏng vấn sâu. Người phỏng vấn giải thích mục đích nghiên cứu, các quy tắc bảo mật thông tin, trả lời các thắc mắc liên quan đến nghiên cứu của người tham gia và xin phép sự tham gia tự nguyện của họ vào nghiên cứu. Các cuộc phỏng vấn cũng được xin phép ghi âm. Mỗi cuộc phỏng vấn kéo dài từ 1,5 – 2 giờ đồng hồ.

Nội dung cuộc phỏng vấn xoay quanh các chủ đề: trải nghiệm xu hướng tình dục và các mối quan hệ dị tính và đồng tính; cuộc sống chung hiện tại với người đồng giới (những chia sẻ, sắp xếp cuộc sống

chung...); mối quan hệ của cặp đôi với gia đình và môi trường bên ngoài; những khó khăn và thách thức trong cuộc sống chung từ mối quan hệ giữa hai người, từ tác động bên ngoài và các qui định pháp luật liên quan; mong muốn và nhu cầu về các qui định pháp luật liên quan đến cuộc sống chung.

2.2.4. Xử lý thông tin định tính

Các thông tin ghi âm sẽ được đánh máy lại, toàn bộ tên thật hoặc các định danh người tham gia nhắc đến trong cuộc phỏng vấn đều được thay đổi để đảm bảo bí mật. Chỉ có nhóm nghiên cứu mới được tiếp cận thông tin đánh máy. Các cuộc ghi âm sau đó được xóa.

Dựa vào các chủ đề cần phân tích, thông tin được mã hóa bằng phần mềm Nvivo8 bởi 3 nghiên cứu viên. Sau đó các mã này được gộp lại và phân tích. Kết quả nghiên cứu định tính không nhằm trả lời tính đại diện của thông tin thu được mà nhằm để khám phá bản chất và sự đa dạng trong thực tế của mối quan hệ chung sống giữa hai người cùng giới.

Các nhận định, phân tích kết quả định tính được gửi cho 3 người đã tham gia phỏng vấn sâu để xác nhận tính xác thực của các nhận định phân tích. Bên cạnh đó, kết quả nghiên cứu cũng được công bố tại hội thảo với sự tham gia của cộng đồng người đồng tính.

2.2.5. Đặc điểm nhân khẩu học xã hội của mẫu tham gia nghiên cứu định tính

Đặc điểm	Định tính
Giới	11 đồng tính nữ 8 đồng tính nam 1 chuyển giới
Tuổi trung bình	32 tuổi (23-52)
Tuổi trung vị	34 tuổi
Thời gian chung sống	Từ 2,5 – trên 20 năm
Hình thức sống chung	1 đồng tính nữ sống cùng gia đình bố mẹ 2 cặp đồng tính nam sống riêng ở gia đình bố mẹ 17 cặp thuê nhà sống chung

3. ĐẶC ĐIỂM TÍNH DỤC VÀ NHỮNG TRẢI NGHIỆM ĐỜI SỐNG LGBT

3.1. Xác định xu hướng tính dục

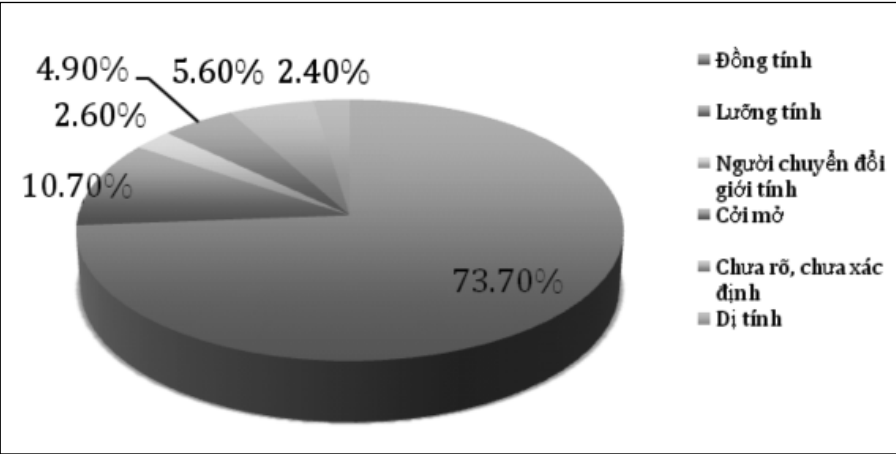
Xác định bản dạng tính dục của bản thân, thể hiện giới và hành vi tính dục liên quan rất nhiều đến những trải nghiệm cũng như các thái độ quan điểm và ứng xử, do vậy, trong nghiên cứu này, bản dạng tính dục cũng là một biến số quan trọng trong việc phân tích các chủ đề quan tâm. Đa phần người tham gia trả lời bảng hỏi trực tuyến tự nhận dạng mình là người đồng tính (73%), khoảng 11% nhận dạng là người song tính, ngoài ra có một tỷ lệ nhỏ tự nhận dạng theo những bản dạng khác như chuyển giới, cởi mở hay chưa rõ về bản dạng của mình.

Hầu hết người tham gia đều tự khám phá bản dạng giới và xu hướng tính dục của mình từ tuổi vị thành niên. Họ cũng trải qua những cung bậc cảm xúc trong các mối quan hệ lứa đôi như các bạn trẻ dị tính khác. Tuy nhiên, ở độ tuổi trên 25, họ bắt đầu nhìn nhận và phân biệt rõ những cảm xúc ban đầu với những mong muốn lâu dài về mối quan hệ tình cảm cho cuộc đời mình.

Trước đây còn có đơn phương nữa. Nhưng lúc đó cũng không sâu nặng vì mình xác định từ yêu nó khác lắm. Không giống với một số bạn trẻ thì gặp nhau vài ngày là bắt đầu yêu. Cái gì cũng có quá trình của nó. 2 người có thể gặp nhau, thấy thích nhau, thích thích thì thương nhớ thôi thì chưa phải là yêu. Vì quãng thời gian đầu nó rất chông gai. Ok nếu bạn mới thích nhau thì nó rất mãnh liệt, nhưng đến 6 tháng sau bắt đầu xảy ra sự nhàm chán. Nếu bạn vượt qua cái đó thì bạn mới đi sâu hơn thì mới gọi là yêu. Nó phải vượt qua một quá trình tìm hiểu nhau, biết được như thế nào vì lúc mới quen ai cũng hoàn hảo hết. Sau khi quen một thời gian thì bạn yêu tôi,

bạn thích tôi thì bạn sẽ chấp nhận tôi hoặc tôi yêu bạn thì những tính xấu của tôi tôi phải kìm lại để sao cho dung hợp giữa 2 người. Chứ thật ra mỗi tình đầu thì trước đây chưa có ai yêu. (Tria, nam, 27 tuổi)

Biểu đồ 1: Bản dạng tính dục của mẫu nghiên cứu định lượng



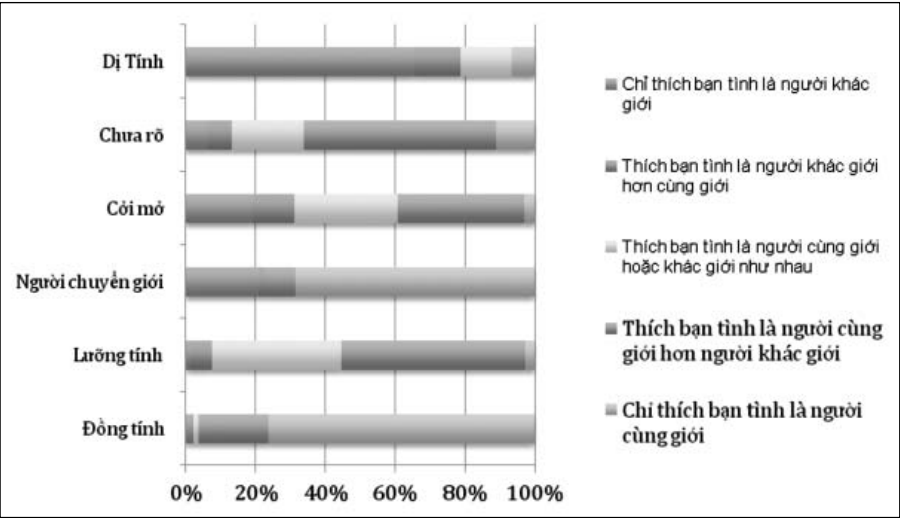
Để khắc họa cụ thể hơn về đặc điểm tính dục của người tham gia, một câu hỏi về xu hướng sở thích tính dục của người trả lời cũng được thực hiện. Kết quả phân tích phần trả lời này có thể đưa ra một cách hiểu rõ ràng hơn về đặc điểm tính dục của mẫu nghiên cứu này, đặc biệt khi đặt xu hướng tính dục của người trả lời trong mối tương quan với bản dạng tính dục của họ. Đa phần những người tự nhận dạng là “đồng tính” đều cho biết họ có xu hướng chỉ bị hấp dẫn bởi người cùng giới tính sinh học hoặc cảm thấy bị hấp dẫn bởi người cùng giới tính hơn là bởi người khác giới tính, hay những người tự nhận dạng là người “lưỡng tính” thì cho biết họ bị hấp dẫn bởi cả người cùng hoặc khác giới tính sinh học dù ở mức độ nhiều hay ít khác nhau. (Biểu đồ 2)

Bảng 3: Đặc điểm về tính dục của mẫu nghiên cứu định lượng

Đặc điểm tính dục	Nam		Nữ		Chung	
	%	N	%	N	%	N
Bản dạng tính dục						
Đồng tính	81.80	1379	58.30	516	73.70	1895
Lưỡng tính	8.90	150	14.10	125	10.70	275
Người chuyển đổi giới tính	0.40	6	6.90	61	2.60	67

Cởi mở	3.70	63	7.00	62	4.90	125
Chưa rõ, chưa xác định	3.90	66	8.80	78	5.60	144
Dị tính	1.20	20	4.60	41	2.40	61
Xu hướng tính dục						
Chỉ thích bạn tình là người khác giới	3.30	56	7.30	65	4.70	121
Thích bạn tình là người khác giới hơn người cùng giới	1.70	29	4.00	35	2.50	64
Thích bạn tình là người cùng giới hoặc khác giới như nhau	6.20	104	11.10	98	7.90	202
Thích bạn tình là người cùng giới hơn người khác giới	26.20	441	24.40	216	25.60	657
Chỉ thích bạn tình là người cùng giới	62.60	1055	53.20	471	59.40	1526

Biểu đồ 2: Bản dạng tính dục so với xu hướng hấp dẫn tình dục của mẫu nghiên cứu



Với các bạn sống ở tỉnh, thường việc xác định bản dạng giới và xu hướng tính dục của mình chỉ được rõ ràng hơn khi họ di cư lên thành phố để học và kiếm việc làm. Nguyên nhân có thể xuất phát từ nhận thức của LGBT về bản dạng tính dục và xu hướng tình dục còn hạn chế do điều kiện tiếp xúc thông tin ở quê nhà không nhiều, và phần lớn các cộng đồng nông thôn thường khá khép kín và định kiến với các vấn đề

liên quan đến đồng tính(9, 10). Chỉ khi có điều kiện di chuyển đến các thành phố lớn, được tiếp xúc với thông tin và trải nghiệm với sự hiện hữu của cộng đồng LBGB, nhiều người mới thật sự khẳng định được bản dạng và khuynh hướng của mình.

Ở Hải Dương thì thực ra là khi bắt đầu bước vào tuổi dậy thì thì thấy mình khác, mình thích nam chứ không thích nữ thôi. Và lớn lên một chút nữa thì cũng định hình được rồi, lớp 11, 12 ấy. Thì cũng thích một bạn nam ở trong lớp, em không gọi bạn ý là mối tình đầu vì nó cũng có thể là những rung động đầu đời, yêu đơn phương chẳng hạn. Nhưng mà mình không thể bộc lộ được ra vì mình biết cái đấy mình không thể bộc lộ trong một môi trường như thế. Đấy chỉ là cái cảm giác của bản thân mình giữ trong lòng thôi. Ví quê em ở Hải Dương nhưng ở một huyện làm nông nghiệp thôi và nói chung là em không được tiếp cận với công nghệ thông tin nhiều. Kể cả là năm lớp 12. Đến khi lên đại học gần hết năm đầu tiên thì lúc đấy mới biết vào mạng, tìm hiểu thông tin về người đồng tính. (Minh, nam, 23 tuổi)

3.2. Bộc lộ về xu hướng tính dục

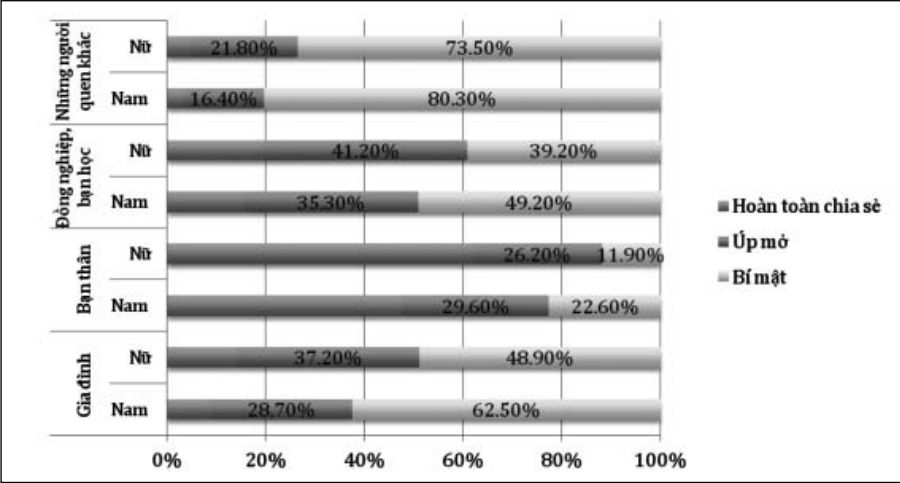
Việc bộc lộ xu hướng tính dục cũng có ảnh hưởng nhiều đến các trải nghiệm của LGBT với gia đình, bạn bè, và xã hội nói chung trong các bối cảnh khác nhau, quyết định nhiều đến thái độ và quan điểm cũng như ứng xử của họ trong việc kết đôi hay thiết lập các mối quan hệ gia đình. Nhiều tài liệu và báo chí chỉ ra rằng giới trẻ ngày một cởi mở hơn trong việc bộc lộ khuynh hướng tình dục (2, 11), trong nghiên cứu này, mặc dù mẫu tham gia có độ tuổi khá trẻ, kết quả phân tích cho thấy, việc họ bộc lộ về xu hướng tình dục của bản thân còn khá hạn chế.

Với nhiều người, gia đình là nguồn hỗ trợ và bảo vệ đầu tiên cả về tinh thần và vật chất. Tuy nhiên, việc bộc lộ xu hướng tính dục với gia đình là rất hạn chế. Chỉ có khoảng 1/10 số người trả lời điều tra trực tuyến cho biết họ cởi mở hoàn toàn với các thành viên trong gia đình về khuynh hướng tính dục của mình. Trong số này, nhóm nữ và nhóm sống ở các vùng đô thị có xu hướng cởi mở với gia đình nhiều hơn nhóm nam và nhóm sống ở vùng nông thôn. Bên cạnh đó, số liệu định tính chỉ ra những bạn trẻ di cư từ các tỉnh lên thành phố Hà Nội và Hồ Chí Minh thường sống xa gia đình. Đây cũng là điều kiện sống tương đối độc lập và ít chịu tác động của gia đình tới các mối quan hệ tình yêu đồng giới của họ.

Các nhóm bạn thân dường như là môi trường có thể cởi mở về xu hướng tính dục nhiều nhất. Có thể bạn thân của họ cũng bao gồm những người trong cộng đồng LGBT. Phân tích cho thấy, nhóm nữ và nhóm có độ tuổi trẻ hơn có xu hướng bộc lộ với bạn thân nhiều hơn. Các nhóm tự nhận mình đồng tính có xu hướng bộc lộ cao hơn so với các nhóm bản dạng khác.

Trong các bối cảnh khác như ở trường học/ nơi làm việc và ở cộng đồng nói chung, có thể nhận thấy LGBT chưa sẵn sàng cho việc bộc lộ. Một tỷ lệ khá lớn người trả lời cho biết họ hoàn toàn giữ kín về khuynh hướng tính dục của mình với những người quen ngoài xã hội và bạn học/đồng nghiệp. (Xem chi tiết tại bảng 5, phụ lục)

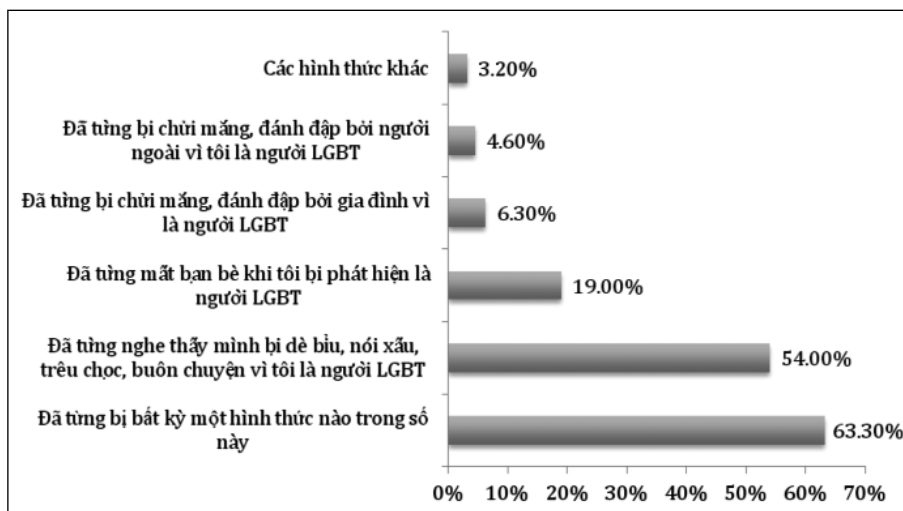
Biểu đồ 3: Mức độ bộc lộ xu hướng tính dục trong các bối cảnh khác nhau phân theo giới tính sinh học



3.3. Trải nghiệm với các hình thức kỳ thị khi là LGBT

Việc bộc lộ về xu hướng tình dục mặc dù được khuyến khích và được xem như một hình thức thể hiện sự tự tin và lòng tự hào với đặc điểm tính dục của bản thân, nó cũng có thể mang lại cho LGBT một số nguy cơ gánh chịu những hình thức kỳ thị và phân biệt đối xử từ phía gia đình, bạn bè đồng nghiệp hay xã hội nói chung. Dưới đây là một số hình thức kỳ thị và phân biệt đối xử mà những người tham gia trong nghiên cứu này đã từng trải nghiệm:

Biểu đồ 3: Tỷ lệ đã từng trải nghiệm các hình thức kỳ thị và phân biệt đối xử vì là LGBT (N=2922)



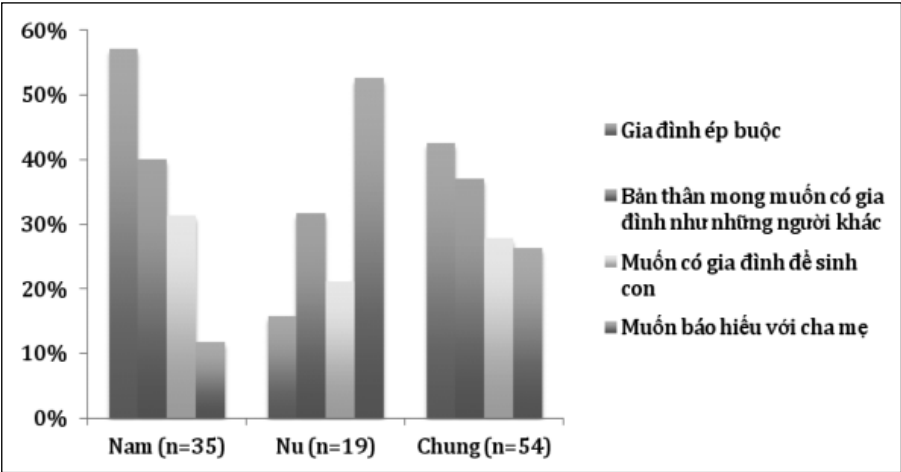
Gần một nửa số người trả lời cho biết việc họ là LGBT khiến họ phải hứng chịu những lời dè bĩu, nói xấu, trêu chọc hay làm chủ đề bàn tán. Có đến 19% cho biết đã từng bị mất bạn bè khi tiết lộ rằng họ là LGBT. Đáng báo động hơn, có một tỷ lệ nhất định cho biết họ đã trở thành nạn nhân của các hình thức bạo lực từ gia đình (5.6%) hay từ người ngoài (4%) vì họ là LGBT. Ngoài ra, một số hình thức kỳ thị và phân biệt đối xử khác cũng được ghi nhận: như LGBT bị đuổi khỏi nhà hoặc khu trọ (1.7%), bị mất việc làm hoặc bị đuổi học (1.3%), mặc dù tỷ lệ chỉ những hành vi phân biệt đối xử này không cao nhưng cũng thể hiện sự tồn tại đa dạng các hình thức kỳ thị và phân biệt đối xử xã hội với người đồng tính.

3.4. Hôn nhân dị tính

Trong tổng mẫu nghiên cứu định lượng, có 2.9% (n=54) cho biết đã từng kết hôn dị tính, tỷ lệ này ở nhóm nam là 3% và nữ là 2.8%. Phần lớn những người đã kết hôn cho biết họ lấy chồng/vợ theo sự ép buộc của gia đình, trải nghiệm này phổ biến hơn trong nhóm nam (61%) so với nữ (27%). Có khoảng gần một nửa số người này cho biết vì họ mong muốn có một gia đình như những người khác nên đã kết hôn dị tính. (Biểu đồ 6). Bên cạnh những lý do phổ biến trên, một số lý do khác cũng

được ghi nhận trong điều tra này: lo ngại sự kỳ thị của gia đình và xã hội, kết hôn do sợ gia đình phát hiện và phải gánh chịu những hậu quả của sự kỳ thị.

Biểu đồ 4: Lý do kết hôn dị tính



Có hơn 1/2 số người đã kết hôn dị tính hiện đã ly dị. Trong số này đã ly dị, có hơn một nửa cho biết họ ly dị vì cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, 17% vì vợ/chồng của họ không chấp nhận việc họ là người LGBT, và 21% do bố mẹ, gia đình không chấp nhận việc đó. Trong số người tham gia nghiên cứu định tính, có một bạn nữ đã lấy chồng và có con. Không do gia đình thúc giục cưới chồng hay mong muốn có gia đình như những người khác, Thơm, 32 tuổi, cho rằng do trước đây được nuôi dạy trong một gia đình gia giáo, theo quan điểm “*trai lớn có vợ, gái lớn có chồng*”, nên Thơm cũng có tình cảm và đã xây dựng gia đình với một người con trai. Nhưng sau một thời gian chung sống và có cuộc sống độc lập của bản thân mình, Thơm đã nhận ra rằng những người cùng giới mới thực sự hấp dẫn cô về tình cảm cũng như tình dục. Do đó Thơm đã ly dị chồng để tìm cho mình một người bạn đời theo như mong muốn.

Còn với những người trả lời hiện không hoặc chưa từng kết hôn dị tính, khi được hỏi về mong muốn kết hôn dị tính trong tương lai, có đến 40.2% cho biết họ sẽ kết hôn dị tính trong tương lai hoặc đang băn khoăn suy nghĩ về việc đó. Phân tích tương quan cho thấy, những

người sống ở các vùng nông thôn hoặc ngoại ô, những người sống ở các tỉnh thành miền bắc, những người có xu hướng tự nhận bản dạng tính dục là song tính hoặc dị tính hoặc cởi mở, những người hoàn toàn không bộc lộ với gia đình hay bạn thân, và nam giới có xu hướng sẽ kết hôn dị tính hoặc bản khoăn suy nghĩ về điều này hơn những người còn lại. (Xem cụ thể tại bảng 6, phần phụ lục)

Trong số 20 người tham gia nghiên cứu định tính, có 5 người đã từng có mối quan hệ tình yêu và tình dục với người khác giới trong quá khứ. Tuy nhiên, ở thời điểm phỏng vấn, họ vẫn tự nhận mình là người đồng tính và trải nghiệm tình yêu hay tình dục với người khác giới trong giai đoạn trước chỉ mang ý nghĩa giúp cho người đồng tính xác định xu hướng tính dục và bản dạng giới của mình chắc chắn hơn.

Mình thì mình có rồi nhưng mà quan hệ của mình rất là đặc biệt tức là quan hệ với gái làm tiền ấy khi mà mình còn ít tuổi, bạn bè kiểu như là học lớp thì trải nghiệm tình dục. Khi mình đến cái chỗ đấy là mình rất là háo hức theo nghĩa là trải nghiệm tình dục, lúc đấy thì mình cũng rất là ít tuổi mình không biết nhiều về cái đấy như thế nào... thật ra không hẳn là quá ít tuổi bởi vì là phải tầm khoảng hai mấy gì đấy khi mà chuẩn bị tốt nghiệp đại học rồi ấy. Lúc trước là quá trình rất hoang mang là tại sao mình không thích ai cả. Thế xong đến khi mà ấy thì bạn bè rủ đi chẳng hạn, đến thì háo hức nhưng mà thực sự khi đến thì mình không cảm thấy cảm xúc gì cả theo nghĩa là không biết làm gì hết, không biết để cái này ở chỗ nào cái kia ở chỗ nào... thế thì rồi về sau khi biết mình là như thế, lúc đó cũng khá muộn thê nên là cũng hơi buồn cười. (Nghĩa, nam, 43 tuổi)

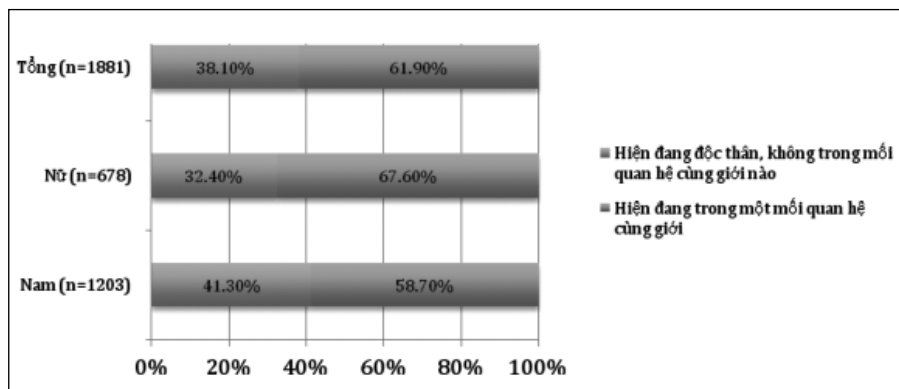
Trước đấy thì em không biết hấp dẫn tình dục là thế nào, chỉ biết xu hướng của em từ bé là thích con trai, lúc lớn lên thì em cũng không hiểu biết nhiều và em cũng chỉ chơi với con gái thôi. Vì cũng gặp gỡ và yêu con gái và yêu con gái thì rất là nhiều và cũng quan hệ toàn với bạn gái thôi, không có bất kì một quan hệ nào với bạn trai. Chỉ đến thời điểm đầu năm 2001 thì em bắt đầu tìm hiểu thì em mới biết mình thích con trai vì đó là xu hướng tình dục đồng giới. (Chiến, nam, 36 tuổi)

4. TÌNH YÊU CÙNG GIỚI: TRẢI NGHIỆM THỰC TẾ VÀ NHỮNG MƯƠI CẦU CUỘC SỐNG LỬA ĐÔI

4.1. Tình yêu cùng giới và nhu cầu cuộc sống chung

Trong tổng mẫu nghiên cứu định lượng, có đến gần 62% người tham gia cho biết họ đang trong một mối quan hệ gắn kết với một người cùng giới. Tỷ lệ này với nhóm nữ cao hơn hẳn so với nhóm nam. (Biểu đồ 7)

Biểu đồ 5: Tỷ lệ hiện đang trong một quan hệ cùng giới

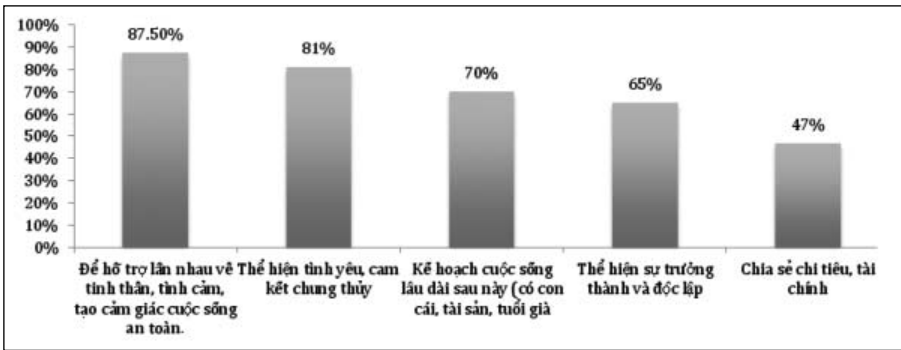


Với những người hiện đang trong mối quan hệ cùng giới, thời gian của mối quan hệ này được ghi nhận khá lâu dài và ổn định. Mặc dù độ tuổi của mẫu nghiên cứu khá trẻ, có khá đông người trả lời cho biết họ đang trong những quan hệ có thời gian dài (trên 2 năm và trên 5 năm), nhóm này có xu hướng phổ biến hơn trong các cặp nữ (37% nhóm nữ và 23.8% nhóm nam). Khi phân tích theo nhóm tuổi, các mối quan hệ có thời gian dài được ghi nhận nhiều hơn trong các nhóm tuổi từ 25 trở lên.

4.1.1. Lý do quyết định sống chung và những kỳ vọng từ cuộc sống chung

Ở Việt Nam, độ tuổi kết hôn lần đầu tiên trung bình (theo điều tra điều tra dân số và nhà ở 2009, GSO 2011) là 26 tuổi với nam và 23 tuổi với nữ. Khi phân tích về mục đích sống chung của mẫu nghiên cứu này với những người hiện trong độ tuổi kết hôn như trên, có thể thấy rõ ràng, việc quyết định sống chung của họ thể hiện khá rõ nét mong muốn thiết lập một cuộc sống chung ổn định, có vai trò và trách nhiệm giống như một mối quan hệ hôn nhân.¹(n=57, Biểu đồ 6)

Biểu đồ 6: Lý do quyết định sống chung của các cặp trong độ tuổi kết hôn và hiện đang sống chung



Cũng giống như việc tạo dựng và bắt đầu một cuộc hôn nhân dị tính, các cặp đôi cùng giới khi cân nhắc và đi đến quyết định sống chung đa phần là kết quả của mong muốn tạo dựng một không gian chung của hai người mà ở đó họ có thể mang lại sự chia sẻ về tinh thần, tình cảm và tạo dựng một cuộc sống gia đình (87.5%), thể hiện sự cam kết thủy chung (81%), bắt đầu những kế hoạch ổn định và lâu dài (70%).

4.1.2. Những trông đợi, kỳ vọng từ cuộc sống chung

Số liệu định tính cho thấy, tất cả người đồng tính nam, nữ có cuộc sống chung với người cùng giới đều có quan niệm rất rõ ràng về sự gắn bó lâu dài và đều thể hiện mong muốn giữ gìn mối quan hệ lâu dài này. Trong đó, tình yêu là điều kiện và là nền tảng cho mối quan hệ. Và để

¹ Trong toàn bộ số người tham gia hiện đang trong một mối quan hệ cùng giới, có 17.2% cho biết hiện đang sống chung với người yêu cùng giới của mình. Khi phân tích riêng với nhóm người trả lời trong độ tuổi kết hôn, tỷ lệ này là 29.2%

cuộc sống chung giữa hai cá nhân luôn được hạnh phúc, hầu hết đều có quan điểm rất rõ ràng – đó là sự chia sẻ, nhường nhịn và tự thay đổi để bản thân mình hòa hợp trong cuộc sống chung. Đặc biệt sự hòa hợp và gắn bó được đề cao khi mối quan hệ lâu dài được cho là khó tìm và khó giữ do những áp lực từ xã hội dị tính, không có sự ràng buộc hay ủng hộ từ bạn bè, gia đình... Do vậy để có mối quan hệ lâu dài và bền chặt đòi hỏi mỗi cá nhân phải có sự nỗ lực hết mình. Bên cạnh đó, chính việc gạt mối quan hệ đồng giới ra bên lề xã hội – không có sự hỗ trợ từ những người xung quanh, không được luật pháp thừa nhận – cũng tác động rất nhiều tới thái độ và hành vi không có trách nhiệm của một bộ phận người đồng tính trong quan hệ giữa những người cùng giới, hoặc chỉ đơn thuần muốn được thỏa mãn tình cảm, tình dục chứ không xác định quan hệ lâu dài, đặc biệt ở nhóm nam đồng tính.

Đôi khi mình không tin tưởng nhưng vẫn gắn bó, đây là cái tình cảm mình dành cho người ta. Không tin tưởng ở một cái là làm việc ở cộng đồng như thế, mà một người như vậy thì chấm ở thang điểm 1 cũng là khá cao. Như vậy em nghĩ là có những người bạn bên ngoài cộng đồng người ta quý mến, có tình cảm thì cũng là chuyện bình thường thôi. Đôi khi thì em cũng lo rằng mình không thể mãi mãi làm mới mình được (để duy trì sự hấp dẫn trong mối quan hệ). Thì cũng có thể có những chuyện xảy ra mà mình không thể biết trước được. Cộng đồng Msm thì nó vô cùng nhiều (Minh, nam, 23 tuổi)

Sự tương tác để nói về vấn đề gắn kết thì trong mỗi tình thứ 2 nhiều hơn so với mỗi tình thứ nhất. Nhưng độ tin tưởng của mỗi tình thứ nhất tạo cho em nhiều hơn so với mỗi tình thứ 2 bởi vì mỗi tình thứ nhất thì em chưa hiểu biết nhiều về cộng đồng này, thế nên chưa có nghi ngờ nhiều. Thế nhưng đến mỗi tình thứ 2, càng nói nhiều, cam kết nhiều, hy vọng nhiều thì em lại càng không tin nhiều, nó nghịch đảo cho nhau 1 tí. (Tria, nam, 27 tuổi)

Có thể cũng vì lý do này mà quan niệm về sự chung thủy cũng cởi mở hơn ở nhóm nam đồng tính. Sự chung thủy ở đây mang nặng tình cảm và chia sẻ hướng đi chung chứ không phải là quan hệ tình dục.

Thế nào là chung thủy cũng khó định nghĩa, bình thường người straight hỏi tình yêu là gì cũng khó trả lời. Anh nghĩ khi cả 2 cùng nhìn về 1 phía và cùng lo cho nhau thì đấy là chung thủy. Còn chuyện có bạn này bạn khác

cũng đáng ngại nhưng anh nghĩ 1 khi đã tin tưởng vào nhau thì cái đấy nó nhỏ đi (Nghĩa, nam, 43 tuổi)

Trong khi đó, ở các cặp đồng tính nữ, quan hệ tình dục và tình yêu luôn đi đôi với nhau. Cuộc sống chung phải là mối quan hệ trọn vẹn về cả thể xác lẫn tình cảm.

4.1.3. Hiện thực hóa cuộc sống chung

Có hơn 11% những người hiện đang trong mối quan hệ cùng giới đang sống chung với nhau tại nhà của một trong hai người hoặc cùng mua hay thuê nhà để sống. Một số ít hơn (5.6%) hiện sống cùng với gia đình của họ hoặc người cùng chung sống. Những cặp đôi cùng giới đang chung sống đều ở độ tuổi có điều kiện để có thể ở chung, hoặc có tài chính ổn định, hoặc sống xa gia đình và ở trọ riêng một mình. Mặc dù khả năng tự chủ, tự quyết định cao, nhưng ở hầu hết các cặp đôi quyết định về chung sống với nhau không phải là quyết định chóng vánh. Giống như các mối quan hệ tình yêu rồi dẫn đến hôn nhân của các nam nữ khác, những người đồng tính hoàn toàn vẫn có thể thỏa mãn tình cảm, tình dục với người mình yêu trong suốt quá trình tìm hiểu nhau. Chỉ đến khi cảm nhận sự hòa hợp, mong muốn một mối quan hệ bền vững, lâu dài của nhau thì họ mới tiến tới quyết định về sống chung cùng nhau. Cân nhắc và chín chắn trong quyết định giúp đưa đến những mối quan hệ sống chung rất tốt đẹp giữa hai người cùng giới. Trong nghiên cứu này có đôi sống chung với nhau được 20 năm, cho dù không phải lúc nào họ cũng ở cùng nhau dưới một mái nhà. Tuy nhiên, cũng cần chú ý rằng những cảm nhận về mối quan hệ tốt đẹp hiện tại cũng là mối quan hệ mà các bạn đang duy trì.

Cuộc sống của em thì bây giờ thay đổi nhiều. Hồi trước em sống với Trung, Bình, trên tầng có 2 3 người bạn nữa ở cùng thì cũng là người đồng tính. Mọi người nấu ăn với nhau thì công việc của em cũng phải lang thang nhiều, nên hầu như mọi người nấu cho em ăn thôi. Em ít khi pahir đi chợ nấu cơm với mọi người lắm. Thế nhưng khi em sang bên này, 2 người cùng đi làm, em sáng dậy muộn hơn 1 chút thì anh ý gọi em dậy để đóng cửa cho anh ý đi làm, thế sau đấy em thích làm gì em làm. Tối thì thường em về sớm hơn thì nấu cơm nước, lúc nào rảnh thì giặt quần áo cho cả 2. Những việc đấy thường em làm vì em rảnh hơn. Thế còn hôm nào em về muộn thì anh

ý nấu cơm giặt quần áo rồi ăn uống bình thường. Có 2 bạn nữ bên cạnh phòng em thì rất ngỡ ngàng, sang phòng của em bảo là phòng con trai mà như phòng con gái. Phòng của em thì thật ra về đấy nó khá đẹp, nó có bếp, nhà tắm sạch sẽ, nhưng bọn em về mua thêm bể cá, mua thêm hoa, mua thêm tranh nên khá đẹp. Hôm trước kỉ niệm ngày 3 tháng 2 người gặp nhau thì anh ý có mua 1 bó hoa rất to về tặng em. Để trong phòng rất thơm, hàng xóm mới sang hỏi anh ơi hoa này của ai đấy. Bây giờ thì khác nhiều, khác cả trong suy nghĩ, cả trong cách sống, nói chung là mọi cái. Bây giờ hai người có một môi trường luôn ở bên nhau. Cuộc sống cũng không có gì phải tránh né nhiều(Minh, nam, 23 tuổi)

Khi biết về xu hướng yêu và quan hệ tình dục với người cùng giới của con, hầu như không có gia đình nào thể hiện thái độ ủng hộ. Do vậy các bạn cũng không có xu hướng chia sẻ với gia đình những quan hệ bạn bè hoặc quan hệ tình cảm với người đồng giới. Thông tin và chia sẻ thường chỉ giới hạn ở một số bạn thân khi họ nhận được sự thông cảm hoặc ủng hộ. Do vậy những quyết định về cuộc sống chung với người đồng giới chỉ đơn thuần là quyết định cá nhân, do các bạn tự đưa ra. Bên cạnh đó, một số bạn di cư lên thành phố, sống xa gia đình nên gia đình cũng không biết về xu hướng tính dục của họ và do đó gia đình cũng không hề biết và có tác động gì tới xu hướng tính dục hay mối quan hệ với người cùng giới của con. Có khoảng một phần tư số cặp tham gia nghiên cứu định tính cho biết gia đình của người yêu mình không hề biết về mối quan hệ đồng giới mà con họ đang có.

Hầu hết các cặp đôi không hề có nghi lễ ra mắt hoặc thực hiện bất cứ thủ tục gì khi quyết định về sống chung với nhau. Chỉ có một số bạn tổ chức bữa tiệc nhỏ để ra mắt một số bạn thân biết về mối quan hệ đồng giới của họ.

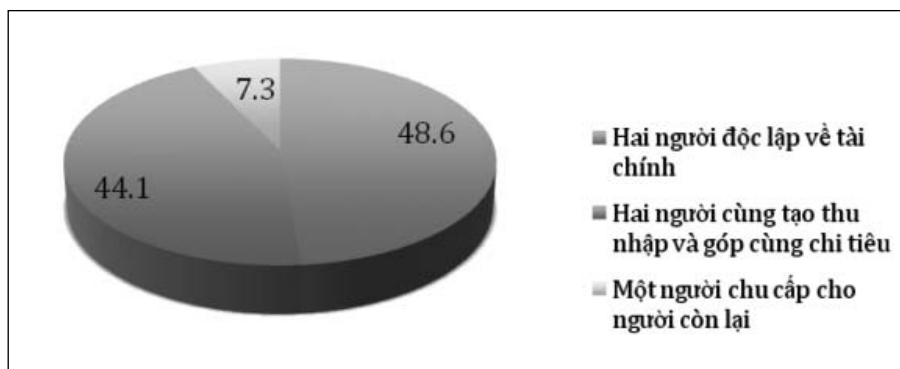
4.2.Thực tế cuộc sống chung qua các mối quan hệ

4.2.1.Chia sẻ kinh tế cho cuộc sống chung

Trong nhóm những người hiện đang sống chung với người yêu cùng giới và trong độ tuổi kết hôn, có thể nhận thấy cách sắp xếp tài chính phổ biến là không phụ thuộc về tài chính giữa hai bên (48,6%), bên cạnh đó gần một nửa số người trả lời trong nhóm này cho biết họ cùng góp thu nhập để cùng chi tiêu với người yêu (44%). Có khoảng

hơn 7% cho biết mối quan hệ tài chính của họ với người yêu cùng giới thuộc hình thức một người chu cấp tài chính cho người còn lại.

Biểu đồ 7: Sắp xếp tài chính của các cặp trong độ tuổi kết hôn và hiện đang sống chung



Đóng góp và chia sẻ kinh tế cho cuộc sống chung thể hiện rất rõ ở các cặp nghiên cứu định tính. Các hình thức đóng góp chia sẻ cũng rất khác nhau, nhưng đều trên một nguyên tắc là để phục vụ cuộc sống chung. Giống số liệu điều tra định lượng, ở một số cặp, một người đóng vai trò kinh tế trụ cột để chi trả cho cuộc sống chung, bao gồm tiền nhà, các chi tiêu sinh hoạt hàng ngày, v.v. Trong khi ở các cặp khác là sự đóng góp chung của cả hai người, hoặc là lập quỹ chi tiêu chung, hoặc người trả tiền nhà, người trả tiền sinh hoạt hàng ngày.

Trụ cột thì cũng không phải, thực ra bọn em dân chủ với nhau hết. Ví dụ tiền nhà chẳng hạn, em là người thanh toán, nhưng tiền điện nước, ví dụ như đi siêu thị thì bạn trả, thực ra mình cũng phải nên nhìn vào kinh tế của mỗi người để cùng nhau gánh vác trong khả năng của mình... (Tiamo, nữ, 28 tuổi)

Cái đấy thực ra em cũng hiểu nó là những cái ban đầu thôi. Còn về sau tất cả những cái về kinh tế thì cũng sẽ phải có sự thay đổi. Ví dụ như công việc của em tốt hơn chẳng hạn, thì em cũng có thể lo được nhiều cái hơn chứ không phải là gánh nặng của anh ý nữa. Ví dụ như anh ý đóng 2 triệu 1 tháng tiền nhà chẳng hạn. Có tháng mình đóng có tháng mình không, sau này thì tất nhiên mình sẽ phải sẻ chia những cái đấy. Thế còn về ăn uống, em nghĩ hiện tại như bây giờ rất là thoải mái rồi (Tria, nam, 27 tuổi)

Ngoài những chi trả hàng ngày cho cuộc sống, sự đóng góp còn dành cho việc tiết kiệm, sắm thêm đồ đạc trong nhà, chi cho các hoạt động, sự kiện của gia đình hai bên cũng như để dành tiền gửi về cho bố mẹ hai bên.v.v. Chia sẻ kinh tế là sự cần thiết cho cuộc sống chung, nhưng ngoài ra nó còn có ý nghĩa quan trọng vì người tham gia nghiên cứu cho rằng cần phải có sự chia sẻ thì mới có kế hoạch lâu dài cho cuộc sống chung giữa hai người.

Đóng góp chi tiêu chung cũng là một vấn đề liên quan đến sở hữu tài sản. Khác với sự đóng góp chi tiêu cho cuộc sống chung giữa hai người bạn, khi mỗi bên đều sở hữu tài sản của mình và chỉ đóng góp cho các chi tiêu chung. Ở những cặp sống chung cùng giới, đóng góp chi tiêu chung lại liên quan rất nhiều về sở hữu tài sản. Khoảng 1/2 số cặp có sự chuyển dịch về sở hữu tài sản giữa hai người. Sự chia sẻ này thể hiện ở việc để người có thu nhập kém hơn đứng tên tài khoản hay công ty để nếu chia tay thì người kia cũng được hưởng sở hữu tài sản sau thời gian chung sống. Đặc biệt, có cặp đồng tính nữ, người phỏng vấn còn để người cùng giới sống chung đứng tên toàn bộ tài sản vì nghĩ rằng người đó xứng đáng có cuộc sống đầy đủ nếu chia tay xảy ra. Ở các cặp đôi này, họ nâng niu giá trị một tình yêu đồng giới lâu dài, một người bạn đời tâm đầu ý hợp, do đó *“khi tình cảm không còn thì không có điều gì là quan trọng nữa”*.

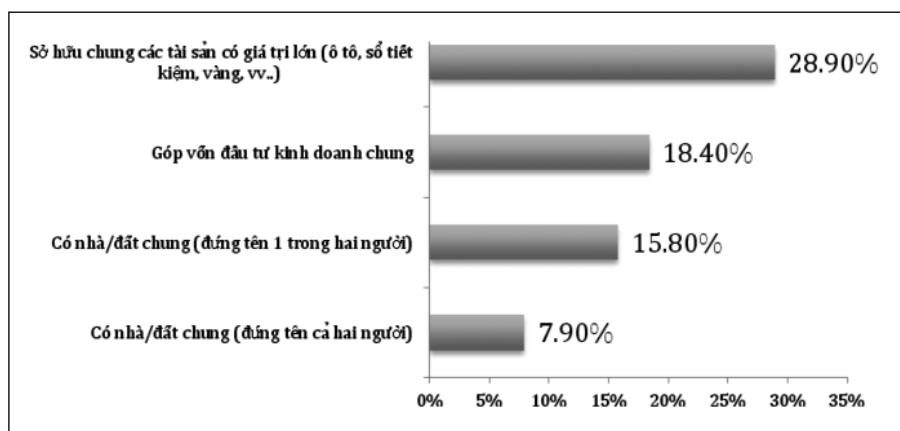
Jimmy đã suy nghĩ từ trước đến giờ là Chi ở với Jimmy là Chi không được cái gì hết, cô ấy phải đánh đổi cuộc sống của cô. Nếu mà sau này có trường hợp xấu nhất, có gì xảy ra thì Jimmy muốn Chi có 1 cuộc sống đầy đủ. Gia đình của Chi không khá cho nên Jimmy biết bây giờ Chi không ở với Jimmy thì Chi sẽ rất khó khăn. (Jimmy, nữ, 35 tuổi)

Đa số dần có những tài sản theo tên sở hữu của từng người trong quá trình sống, bất kể tiền dùng để mua là tiền chung hay tiền của người kia.

Nó là cái phân công cụ thể giữa 2 đứa như thế nào đó. Về mặt tiền bạc thì các cặp khác không biết như thế nào chứ bọn mình là phải tự thu tự chi. Lúc đầu cũng xài riêng, cũng này nọ, sau đó giao cho anh giữ hết luôn. Những cái đồ mua cho ai đi thì người đó đứng tên. Như hồi trước mua con wave thì Luk đứng tên, sau đó mua xe ga thì mình. Nhưng tại vì Luk ít đi xe nên mang xe nó về quê luôn rồi. 2 đứa đi chung (Tria, nam, 27 tuổi)

Kết quả phân tích số liệu định lượng cho thấy, các cặp đôi chung sống cùng giới có xu hướng sở hữu chung các tài sản có giá trị lớn như ô tô, sổ tiết kiệm hoặc vàng (28%), tiếp theo là các hình thức cùng góp vốn và đứng tên kinh doanh chung (18.4%), hay cùng sở hữu nhà đất (15.8%).

Biểu đồ 8: Quan hệ tài sản của các cặp trong độ tuổi kết hôn và hiện đang sống chung (n=38)



4.2.2. Quan hệ giới và chia sẻ công việc hàng ngày của cuộc sống chung

Với tất cả các đôi, việc về sống chung là một sự thay đổi lớn không chỉ là chuyện chia sẻ tình cảm mà còn chia sẻ cuộc sống, hoạt động hàng ngày. Ở cuộc sống chung này, các bạn đều hiểu rất rõ tính cách và sở thích của nhau để điều chỉnh các sinh hoạt cho phù hợp mặc dù sự hòa hợp là một trong những yếu tố quan trọng khiến các cặp đôi xác định mối quan hệ lâu dài. Sau một số năm chung sống với người yêu, hầu hết đều bộc lộ rằng “*không phải người yêu mình là hoàn hảo*” và cần phải dung hòa, đôi lúc phải nhường nhịn.

Đại khái bây giờ về chuyện ăn uống, mình biết chồng mình không thích ăn cái này nhưng mà mình rất là thích, thì mình cũng nhường nhịn thôi thì anh thích cái gì thì mình ăn theo, đấy cũng là cái cách để thấy thoải mái hoặc là anh thích uống rượu với bạn bè thì mình đi cùng thì cũng phải ngồi im trật tự để anh vui chơi với bạn bè một tí, đó trong cuộc sống đôi lúc phải vậy chứ không phải là lúc nào cũng cần nhằn nhằn người ta, thế rồi

mình cũng phải cho ông khung trời riêng đôi lúc anh đi chơi với bạn hay đi đâu đó thì cũng thoải mái để cho anh ấy đi, trong cuộc sống rất là khó về chuyện đó. Ông thì cũng rất thoải mái, Duy cũng từng đi uống cafe với bạn bè mà anh ấy không hề đi, anh ấy chú ý vào công việc anh ấy làm, rồi em cứ đi, nói chung là hai vợ chồng sáng ra đi rồi tối chiều lại mới gặp nhau và cũng rất là tin tưởng nhau. (Nhân, nữ, 40 tuổi)

Cũng khác nhiều lắm, giống như một cặp vợ chồng thể thao. Khi mà anh quen bồ thì dĩ nhiên đầu tiên đi chơi thì ai cũng thích thú, trang điểm lên, làm đẹp để tóc tai lên. Nhưng khi bắt đầu về ở chung với nhau thì cuộc sống Jimmy với Chi nó theo một cái... nhất định. Cứ sáng là 2 đứa dậy đánh răng súc miệng xong là Chi chở Jimmy đi làm. Trên đường đi làm thì đi ăn sáng. Xong rồi Chi đi làm việc, đi massage, đi học, đi tham gia cái này cái kia. Xong rồi chiều Chi lại đón Jimmy về. Về nhà xong ăn cơm với nhau rồi đi ngủ. 2 đứa rất hiểu nhau, hiểu nhau và tính cách của 2 đứa cũng rất hợp nhau. Cái điểm hợp nhiều người nói hợp hay không hợp là do 2 người thay đổi nhau. Đúng là thay đổi một phần nào đó thôi...Mình chỉ thay đổi một chút thôi chứ không phải là hoàn toàn thay đổi. Nhưng cũng phải hợp với nhau, chứ không hợp thì khó có thể ở với nhau. ... Chẳng hạn Jimmy nói hôm nay xã hội em tới rước xã về sớm là Chi đi lên rước Jimmy về sớm. Chi chăm sóc Jimmy, Jimmy thích như vậy. Còn nhiều người là tôi phải thích đi ra ngoài, tôi có sự nghiệp riêng của tôi phát triển như thế này. Nhưng Chi lại thích chăm sóc Jimmy. Nó có sự hợp với nhau. (Jimmy, nữ, 35 tuổi)

Quan hệ chia sẻ công việc giữa các cặp đôi thường theo sự ưa thích hoặc thời gian rảnh của từng người *"Thực ra thì tự nhìn nhau mà làm chứ không mặc định lắm"* (Tú, nam, 32 tuổi). Đặc biệt không thấy rõ vai trò chia sẻ giới trong quan hệ đồng giới, cho dù ở một số cặp họ vẫn gọi nhau là vợ chồng.

Hai người thường làm cho nhau rất là nhiều, vì em thì rất là lười bạn Jimmy sẽ về dọn phòng, giặt đồ, bé người làm sẽ ủi xong rồi bạn Jimmy sẽ phải xếp vào đệm vào cho em bỏ vào tủ, tủ nào của em tủ nào của bạn Jimmy, rồi ví dụ em thấy toilet dơ thì gọi bạn Jimmy vô chùi thì cũng rất là vui hai bạn mình cũng chia sẻ với nhau công việc đó, ví dụ như nấu ăn em đam mê còn bạn Jimmy thích ăn không thích làm thì sẽ ngồi chơi game đợi em nấu ăn, em cảm thấy rất là vui một mình em làm hết, chuyện nấu ăn dưới bếp không có việc gì hết (Chi, nữ, 34 tuổi)

Tuy nhiên, ở cặp chuyển giới tham gia phỏng vấn (nam chuyển thành nữ và lấy chồng nam giới), vai trò chia sẻ công việc trong cuộc sống chung theo kiểu phân chia lao động giới thường thấy giữa các cặp vợ chồng dị tính rất rõ ràng. Đó là nữ đảm đương các công việc nội trợ, dọn dẹp nhà cửa, còn nam giới cáng đáng các công việc sửa chữa, nặng nhọc trong gia đình.

4.2.3. Chia sẻ trách nhiệm với bạn tình và gia đình bạn tình

Quan hệ với gia đình là mối quan hệ quan trọng, tác động nhiều đến cuộc sống, tình cảm của những người tham gia nghiên cứu và nhiều cặp đôi phải sắp xếp hài hòa giữa nhu cầu tình cảm cuộc sống cá nhân với các mối quan hệ với gia đình, đặc biệt là bố mẹ.

Bộc lộ mối quan hệ với gia đình

Một vài đôi chọn thời điểm khi mình đã có mối quan hệ gắn bó lâu dài để bộc lộ với gia đình

Em đã xác định rồi, thực ra thì em không có gì để thể hiện cho anh ý nhưng anh ý có nhiều cái thể hiện cho em. Ví dụ như việc em vô tình mở mail, lúc anh ý sử dụng máy tính thì vẫn để một lá thư viết trong mail, em vô tình đọc được. Mail đấy gửi cho mẹ anh ý, thực ra anh ý đã nói với anh trai anh ý rồi. Anh trai anh ý rất thông cảm và em cũng gặp anh trai anh ý rồi. Anh ý may mắn hơn em 1 chút vì anh trai anh ý sắp lấy vợ nên tư tưởng thoải mái hơn. Em đọc qua bức thư anh ý viết cho mẹ, nói anh ý ra người đồng tính ra làm sao, hiện tại đang yêu một người như thế nào, đang yêu ra sao, đang hạnh phúc như thế nào, và rất mong muốn được mọi người ủng hộ. Anh ý viết xong nhưng chưa gửi. Lúc đấy thì em rất là vui, vừa rồi thì 2 người cũng lẫn lộn đi thuê nhà, anh ý cũng nói là thôi cố gắng 2 năm nữa thì anh cũng mua được chung cư(Minh nam, 23 tuổi)

Duy nhất chỉ có 1 cặp đồng tính nữ trong các cặp được phỏng vấn là gia đình một bên đã biết và chấp nhận mối quan hệ, thể hiện ở việc cho cặp đôi ở cùng gia đình và mong muốn họ sinh con để có chỗ nương tựa khi về già. Tuy nhiên, theo cảm nhận của cả hai người, mặc dù được chấp nhận nhưng vai trò của người bạn đời vẫn không thể giống con dâu trong nhà. Đáng tiếc là nhóm nghiên cứu không thể gặp và phỏng vấn bố mẹ để hiểu sâu hơn quan niệm con dâu, con rể trong gia đình của họ.

Nó cũng không phải là một sự kiện gì to lớn lắm vì từ lúc nhỏ bản thân Jimmy nó đã như vậy rồi. Minh rất là con trai. Mọi người gặp rồi cứ nói là con bé này nó phải là con trai chứ, thế này là bà mẹ bị lộn rồi. Nói chung là từ nhỏ mình đã như vậy rồi. Ông bà già thì cũng biết, cũng hiểu, cũng thấy nhưng người già thì không nói không đụng tới thì không sao. Nhưng cho đến năm tầm 21 22 tuổi thì Jimmy dẫn bạn gái về. Lúc đó mới chính thức giới thiệu với gia đình, giới thiệu với mẹ. Lúc đó thì vẫn chưa gặp bố. Lúc đó ông bà cũng lớn tuổi nên sự chấp nhận nó cũng có mức độ nào đó thôi. Như Chi ở với gia đình bên này thì Chi cũng có những cái thiệt thòi nhất định. Giống như anh bên này lấy vợ, sinh con 2 đứa thì ông bà rất quý con dâu. Nhưng Chi thì rất cố gắng và mình cũng cố gắng để có được sự chấp nhận của gia đình bên này. Nhưng người lớn tuổi thì mình cũng không quá hy vọng, không thể ép buộc người ta phải coi như con dâu trong nhà, xưng hô thế nào đó, rồi cư xử thế nào đó. Mình không thể nào yêu cầu điều đó, sự thực là ông bà chỉ cần coi Chi như một thành phần của gia đình, và chấp nhận một phần nào đó là mình đã cảm thấy rất vui rồi. (Jimmy, nữ, 35 tuổi)

Trong 5 năm nữa thì nó cũng rất là nhanh thôi, 5 năm nữa thì hai đứa em sẽ quen nhau được 9 năm, chắc chắn trong 5 năm nữa chúng em sẽ có khoảng không riêng, nhưng em vẫn không muốn ở riêng mặc dù em ở với gia đình chồng cũng không phải là thoải mái ai cũng như vậy thôi thì em vẫn muốn ở đó tại vì em biết được là cái người chị dâu không có khả năng thờ cúng hay làm những việc như đồ gì đó em biết em làm được điều đó và chồng em là người rất là có hiếu em phải phụ chồng em chẳng hạn như đám đồ đám hỏi, em là người dọn lên chồng em chỉ việc đốt nhang mời khách và muốn ở đó để chăm lo nhà cửa (Chi, nữ, 34 tuổi)

Đương nhiên, từ phía gia đình, hầu hết chỉ hiểu và coi họ là đôi bạn, anh em, chị em thân thiết lâu năm. Có một số người phỏng vấn cho rằng bố mẹ lơ mờ nhận ra mối quan hệ thân thiết trên mức bạn bè nhưng cũng muốn lảng tránh và không hỏi thẳng con cái.

Em chưa bao giờ nói đây là người yêu của con, vì chẳng có 2 thằng con trai nào sống với nhau từ khi sinh viên đến khi ra trường vẫn sống với nhau, rồi tuần nào cũng chờ nhau về. Tóm lại là ba mẹ cũng ngầm biết hết rồi. Nói chung là gia đình em khá là tế nhị, rất hiểu con mình đang nghĩ gì và muốn gì. Nhưng không nói ra những vấn đề quá nhạy cảm như vậy. Cứ hiểu ngầm coi đây là một đứa con rể. Em vẫn bảo là bạn nhưng vẫn coi

đây là 1 đứa con rể. Có chuyện gì trong gia đình thì cũng chia sẻ. Nếu mình xem mình là 1 người con trong nhà thì những vấn đề lớn nhỏ mình đều có quyền đóng góp ý kiến của mình. Ví dụ như mua mảnh đất đó hay việc gì đó. Gia đình hỏi mình là mình đều tư vấn. Có theo thời gian, lúc đầu về thì cũng tế nhị, dần dà thì mình hiểu nhau rồi cũng xem như con trong gia đình. Tự nhiên lắm, rồi lẫn ra ăn uống rồi không làm gì. Còn với họ hàng, em chưa từng giới thiệu ra họ hàng. Thực sự thì mình cũng có nói, cái gì cũng ở mức độ vừa phải. Không phải vì người ta chấp nhận mình mà mình cứ làm lơ lửng lên. Mình làm một cách tế nhị và tinh tế thì nó sẽ hay hơn. (Minh, nam, 23 tuổi)

Nhóm nghiên cứu quan sát thấy với những người di cư từ các tỉnh, thành phố khác đến TP.Hồ Chí Minh và Hà Nội sinh sống thì gia đình họ thường không biết về bản dạng giới và xu hướng tính dục của con. Có thể do họ di cư sớm do nhu cầu học hành và việc làm nên có cuộc sống riêng, xa cách gia đình về mặt địa lý vì vậy nhu cầu bộc lộ với gia đình cũng không quá lớn. Ở một vài trường hợp thì lý do không bộc lộ vì gia đình không chấp nhận.

Em thấy em rất hạnh phúc bởi vì tụi em ở trong này còn ba mẹ ngoài Huế nên 1 năm chỉ gặp 1, 2 lần thôi. Cho nên những lần ba mẹ vô thì đối xử với em như 1 người bình thường. Cũng coi như bạn của ông ý thôi, nhưng vấn đề là chị dâu của ông, em sợ lắm. Trời ơi, bà ấy rất là sắc sảo mà mỗi lần bà thấy em là bà hỏi thế này, hỏi giống như là hỏi xéo điều tra vậy anh. Em phải gồng lên, phải giả bộ rất là manly cho bà ý đừng nghi ngờ em. Tóm lại thì em chỉ sợ ảnh hưởng tới ông ý thôi vì gia đình ông là Huế, gia trưởng lắm cho nên em sợ ảnh hưởng đến tình thân của gia đình ông. Cái gì có thể chấp nhận được thì mình cũng ráng mình gồng lên. Không biết ở ngoài anh như thế nào chứ ở Huế con cả có một vai trò rất quan trọng trong gia đình mà rất là nặng trong gia đình. Trong Nam mình cũng thấy nhiều người là con 1 không biết sao chứ ngoài Huế là lớn nhất về dòng họ này, thứ 2 là về trong gia đình này. Chuyện chăm nom bố mẹ thì các con đều phải lo rồi, nhưng thờ cúng giỗ chạp rồi bộ mặt của gia đình rồi mời đám cưới đám hỏi đám giỗ gì đó là anh con cả phải đứng ra. Rồi mọi chuyện trong gia đình phải là trụ cột. Mình chưa bao giờ nghĩ mình là con cả. Theo Tria nghĩ thì mỗi người sẽ có một cách come out (bộc lộ) khác nhau. Tria nghĩ cách come out (bộc lộ) tốt nhất để cha mẹ không sốc, tại vì người Huế vẫn còn

nặng tính bảo thủ. Tức là người ta không coi chuyện này là bình thường. Với cả người ta sống với cả dòng họ nữa, cho nên rất ảnh hưởng. Nên cách tốt nhất là mình im lặng rồi ba mẹ sẽ tự biết. Cái quan trọng là từ mình. Con như vậy nhưng con vẫn thành đạt, là người tốt, chăm lo cho gia đình thì đó là cách chứng minh tốt nhất. (Tria, nam, 27 tuổi)

Các câu chuyện của người tham gia ở phía trên đều cho thấy thái độ của gia đình đối với các cặp đôi có ảnh hưởng rất nhiều đến trạng thái tâm lý của chính các cặp đôi. Hạnh phúc của họ dường như sẽ trọn vẹn nếu được gia đình hiểu và ủng hộ. Bên cạnh đó mối quan hệ gần bó của người đồng tính với gia đình từ trước có ảnh hưởng rất nhiều đến việc họ sẽ tìm hạnh phúc cho mình hay không. Một người tham gia phỏng vấn thổ lộ về mối tình trước đây, vì bạn tình không thể vượt qua được gia đình nên mối quan hệ của họ đã không thành.

Anh ý cũng hỏi em là em định sau này như thế nào. Rồi em cũng hỏi anh ý vì lúc đấy em cũng rất là lo, em hỏi anh ý sau này có xây dựng gia đình không? Anh ý bảo không vì từ khi anh học cấp 3 đến khi học đại học là anh ý chỉ ở trên chùa thôi. Anh không ở nhà vì anh ý muốn tách khỏi gia đình rồi. Mà lúc đấy có một thời gian là anh ý định đi tu rồi nhé. Lên học ở trên chùa là quyết tâm nhiều lắm rồi nhưng bố mẹ không cho. Mẹ anh ý gắt lên gắt xuống thế là không thể đi được (Minh, nam, 23 tuổi)

Thể hiện trách nhiệm với gia đình

Tất cả các cặp đôi khác dù bộc lộ hay chưa bộc lộ đều thể hiện tình cảm và trách nhiệm của mình với gia đình hai bên.

Mình phải có trách nhiệm. Thực sự Luk rất có hiếu, cái đó thì mình phải hài hòa giữa 2 gia đình sao cho không ảnh hưởng. Mình và Luk có 1 thỏa thuận ngầm rõ ràng về gửi tiền cho 2 gia đình, 1 tháng bao nhiêu tiền. 1 tháng chi tiêu thì cắt ra phần cố định để gửi về. Phải làm thực sự vấn đề này rất tế nhị. Gia đình anh gia đình em mình phải làm cho hòa hợp sao cho không cảm thấy thiệt thòi giữa 2 bên. (Tria, nam, 27 tuổi)

Tuy nhiên thể hiện trách nhiệm này xuất phát từ tình yêu với người mình đang chung sống, chứ không phải vì vai trò của họ trong gia đình bên kia vì ở tất cả các cặp đôi tham gia nghiên cứu chưa ai có được cảm giác được có vai trò chính thức như dâu/rể trong gia đình người kia.

Không, em nói bây giờ có trách nhiệm thế này thế kia thì đúng là. Còn bây giờ em không có một vị trí nào hết thì em không phải có trách nhiệm gì. Nhưng trong suy nghĩ của em, bây giờ mình đối xử với người yêu như thế nào, thì những người bạn bè, bố mẹ anh ý, những người anh ý tin tưởng, giới thiệu với em thì nói chung làm sao sống cho phù hợp, làm sao sống mình có thể làm được những gì trong khả năng của mình cho người thân trong gia đình anh ý thì mình sẽ làm. Ví dụ như anh trai anh ý sắp xây dựng gia đình chẳng hạn, anh ý giới thiệu em với anh trai anh ý rồi thì anh trai anh ý sắp cưới thì mình có thể lo được vấn đề gì, ví dụ như là hôm vừa rồi em cũng bận thì em đi đặt giấy, đi đặt chăn ga. Thì những cái việc đấy em nghĩ là em có thể làm được và em nên làm để thể hiện sự quan tâm, sẻ chia đến anh ý chẳng hạn (Minh, nam, 23 tuổi)

Ở các cặp tham gia phỏng vấn, kể cả những bạn đã và chưa bộc lộ với gia đình, chưa có cặp đôi nào trải nghiệm xung đột với gia đình trong vấn đề này. Do đó, nhìn chung các bạn khá hài lòng với mối quan hệ với gia đình hiện tại (Cần lưu ý rằng số tham gia phỏng vấn sâu là những người đã sống chung với người cùng giới trong thời gian dài và có thể việc gia đình không phản đối gay gắt là một trong những yếu tố để họ duy trì mối quan hệ đến thời điểm nghiên cứu).

Em thấy cuộc sống mà gia đình đối xử với tụi em thời điểm hiện nay em thấy đã là lý tưởng nhất rồi. Không nhất thiết phải tổ chức đám cưới, ra mắt 2 họ đây là chồng đây là vợ của mình, chỉ cần gia đình thấu hiểu ngầm, ủng hộ ngầm cho mình như vậy là lý tưởng nhất ở thời điểm hiện nay rồi. (Spike, nam, 25 tuổi).

4.2.4. Quan hệ tình yêu và tình dục

Cũng giống như các cặp dị tính, tình dục là một điều không thể thiếu trong mối quan hệ tình yêu giữa những người cùng giới. Tình dục vừa được coi là nhu cầu cá nhân, vừa được coi là cách thể hiện tình cảm với người mình yêu thương.

Dù là con gì, đồng tính hay không đồng tính đối với mỗi con người thì tình dục là nhu cầu cũng là cái người ta thể hiện tình cảm, vì nếu nói về nhu cầu nếu không có đối tượng thì có nhiều hình thức để thỏa mãn nhu cầu đấy, nhưng khi có đối tượng là người yêu mình thì đó là cái để thể hiện mình yêu thương người ta đến đâu. (Kent, nữ, xx tuổi)

Tuy nhiên, do nhận thức rằng tình dục cũng thuộc về nhu cầu cá nhân, do vậy cuộc sống tình dục tùy thuộc rất nhiều vào nhu cầu và điều kiện sống của từng đôi. Có những đôi đồng tính nữ hầu như rất hiếm quan hệ tình dục, nhưng cũng có những đôi có quan hệ tình dục hàng ngày. Cá biệt ở một số người đồng tính nữ lại có mặc cảm tự ti về khả năng thỏa mãn tình dục cho người yêu của mình vì cho rằng quan hệ xâm nhập giữa nam và nữ có thể mang lại khoái cảm nhiều, đặc biệt ở những cặp mà người yêu họ đã từng có quan hệ tình dục với nam giới trước đây. Cho dù ở các cặp đôi này đã có những trao đổi thẳng thắn về vấn đề này nhưng sự nghi ngờ vẫn tồn tại.

Em luôn có cái băn khoăn rằng liệu người ta có thực sự thỏa mãn với mình không, bởi vì khi mà đã yêu thương nhau thật lòng vẫn có những lời nói dối mà không phải là nói dối. Mình vẫn làm thỏa mãn đối tượng của mình bằng những lời nói dối đấy. Nếu mà có bị phát hiện ra thì người ta cũng không thể trách cứ được gì... khi mình có nhu cầu mình cũng mạnh liệt, tuy nhiên có một cái chưa vượt qua được là không thể so sánh mình với một bạn trai. (Tiamo, nữ, 28 tuổi)

Quan niệm tương tự không thấy ở các cặp đôi nam đồng tính. Tuy nhiên, tất cả người tham gia phỏng vấn đều hài lòng với cuộc sống tình dục với người cùng giới mà họ hiện chung sống và vấn đề liên quan đến tình dục chưa bao giờ là một nguyên nhân gây xung đột giữa cặp đôi cả nam và nữ.

Một điều nhận thấy là vai trò tình dục trong cuộc sống lứa đôi tương đối khác giữa nam và nữ đồng tính. Ở các cặp nữ đồng tính, tình dục luôn đi kèm với tình yêu và tình dục thường nghiêng về phía quan niệm coi đó là cách thể hiện tình cảm, tình yêu hơn là nhu cầu sinh lý cá nhân.

Mình nhận thấy các phụ nữ mà đến với nhau thì hấp dẫn tình dục là có nhưng mà nó không chi phối, quyết định cái mối quan hệ đó. Phụ nữ Việt Nam thì nói chung là thích tình cảm, nhẹ nhàng, hợp thủ thủ. Cũng có những người thích tình dục và coi cái tình dục là quan trọng, nhưng mình nhận thấy trong cộng đồng đó là số ít. Tại vì mối quan hệ nữ nữ là gắn bó, theo như các bạn nữ đã từng có mối quan hệ với nam giới nói thì nó khác với nam giới. Người ta không tìm được mối liên hệ sâu sắc với nam như với nữ. (Hợp, nữ 35 tuổi)

Trong khi đó, tình dục ở các cặp nam đồng tính lại nghiêng nhiều về nhu cầu cá sinh lý nhân hơn. Do đó quan niệm về tình dục ngoài tình yêu, ngoài mối quan hệ gắn bó lâu dài tương đối cởi mở (như phần quan niệm về chung thủy đã đề cập).

Tình dục chỉ là một phần thôi chị ạ, còn tình yêu với lòng vị tha ấy thì cái đó mới là quan trọng, quyết định gắn bó giữa hai người, phải hiểu nhau, phải thông cảm cho nhau. Có những người "chỉ anh đi đâu đấy, chắc lại đi với đứa này đứa nọ chứ gì" - kiểu như thế thì sẽ không bao giờ là yêu mà chỉ giữ nhau như sự sở hữu. Như vậy cũng không bao giờ tồn tại được. Mà phải biết yêu, biết thế nào là thông cảm cho nhau hoặc là động viên chia sẻ cho nhau mọi chuyện thì đấy mới là quan trọng chị ạ. Có những người mà yêu nhau đến 10 năm thì người ta vẫn ở với nhau mặc dù cũng có chuyện nọ kia ở ngoài nhưng mà cái đấy là không quan trọng đối với hai người. (Chiến, nam, 36 tuổi)

Thực ra là cái cảm xúc lạ ấy lại thích hơn mới dẫn đến cái chuyện đấy. Thế còn mãi với một người nhiều khi từng cái cử chỉ một định làm gì người ta cũng biết hết rồi, không còn cái mới mẻ, dần dần người ta cũng chán thì cuộc sống vợ chồng trai gái cũng thế - người ta thường tìm những cảm xúc kia chỉ để vui thôi chứ không phải vì thế mà người ta bỏ người yêu của mình thế nên nhiều người bạn mới bảo chỉ vui nếu mà thích thì đi còn không thì thôi không bao giờ anh bỏ bạn anh cả đấy nói thẳng như thế. Anh vẫn thấy là những người mà anh có quan hệ đấy chỉ là sex thôi hoặc là người ta chỉ có một hai cái điểm trội để có thể mình thích hoặc là trông bắt mắt gọi là nổi trội trong đám đông. Còn cái mối quan hệ thì mình là người đánh giá rất cao cái gọi là chia sẻ theo nghĩa là phải có chung quan điểm sống (Nghĩa, nam, 43 tuổi)

Với một đôi đồng tính nam đã có mối quan hệ trên 20 năm thì cho rằng giai đoạn 20-30 tuổi việc được chung sống, quan hệ tình dục là điều quan trọng, nhưng ở lứa tuổi 40, họ chỉ mong muốn công ăn việc làm tốt và chăm lo cho bố mẹ hai bên. Điều này cũng phản ánh sự thay đổi thông thường về sinh lý tình dục theo lứa tuổi.

4.2.5. Quan hệ con cái

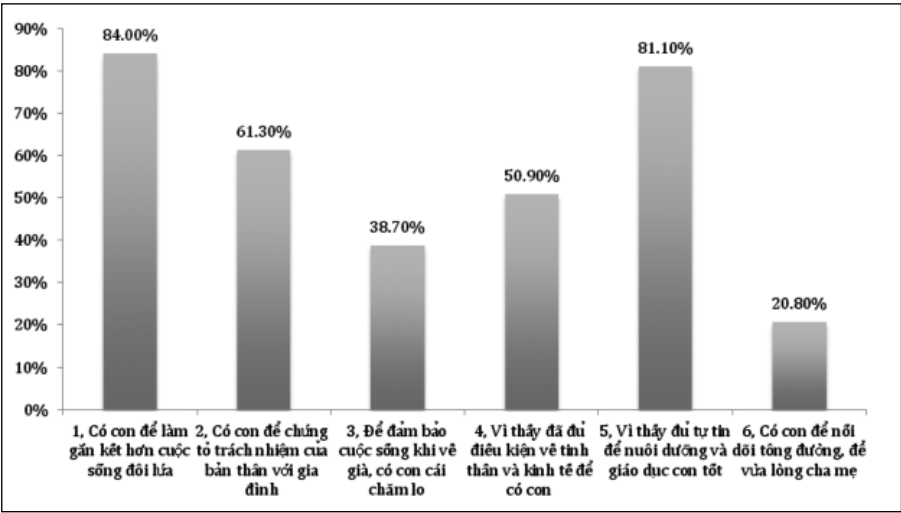
Ý nghĩa của việc có con

Khá nhiều cặp đôi không hề có quan niệm đứa con là nguồn hỗ trợ kinh tế hoặc tình cảm khi mình về già. Đơn giản là việc có các thế

hệ trong gia đình vẫn được coi là điều gì đó tự nhiên, là hạnh phúc gắn kết đôi lứa, có gia đình là có thể hệ bố mẹ và con cái. Nhiều đôi đã nghĩ đến chuyện có con như các gia đình khác vì bản thân họ cũng yêu trẻ con.

Kết quả phân tích về mong muốn có con trong nhóm người trả lời thuộc độ tuổi kết hôn và hiện đang trong một mối quan hệ cùng giới cho thấy: 61% cho biết họ mong muốn có con trong tương lai, 9% cho biết họ không muốn có con, và 30% còn lại chưa nghĩ hoặc chưa tính đến việc này (N=173 người). Phân tích sâu hơn về mục đích và ý nghĩa của việc có con, có thể nhận thấy đa phần các cặp đôi nhận thấy việc có con sẽ giúp họ tăng cường tính gắn kết cho cuộc sống đôi lứa (84%), nhận thấy sự tự tin về điều kiện kinh tế cũng như tâm lý để có con và nuôi dạy con tốt (81.1%), hay coi đây là trách nhiệm của bản thân với gia đình (61.3%).

Biểu đồ 11: Ý nghĩa của việc mong muốn có con



Khi phân tích theo giới tính sinh học, có thể nhận thấy nhóm nam có xu hướng mong muốn có con để thực hiện trách nhiệm với gia đình (82.9%) cao hơn hẳn nhóm nữ (50.7%). Tương tự như vậy, nam có xu hướng mong muốn có con để đảm bảo cuộc sống khi về già, có con cái chăm lo (51.4%) hơn so với nữ (32.4%). Có con để nối dõi tông đường và vừa lòng cha mẹ cũng là lý do mong muốn có con của nhóm nam (40%) hơn là nhóm nữ (11.3%).

Em nghĩ nó không phải là xáo trộn đâu. Vì khi có được 1 đứa con thì đấy là 1 niềm hạnh phúc mà không có gì đánh đổi được của người đồng tính rồi. Vậy nên em nghĩ rằng nếu có 2 đứa con (là con đẻ của cả 2 người) thì đều yêu thương cả 2 đứa vì 2 người đều thích trẻ con cả. (Em nghĩ là việc có con làm tăng thêm tình cảm hay ràng buộc gì? có những khác biệt gì giữa có con và không có con?) Em thấy nó tăng tình cảm lên, gắn kết hơn để 2 người có thể bỏ thời gian nhiều hơn để chăm sóc. (Hợp, nữ, 35 tuổi)

(Đứa con để làm chỗ dựa?) Chưa hẳn, vì con bất hiếu trên đời này thiếu gì. Bây giờ anh không thể nào nuôi một đứa con, anh cưng nó, anh muốn 1 đứa bé trong nhà. Anh đừng bao giờ hy vọng là nó lớn lên nó sẽ nuôi mình. Cái đó giống như đánh tài sủu vậy đó, anh đặt tài hay đặt sủu thôi. Anh đặt cả gia tài của anh trên đó rồi. Không chỉ gia tài mà còn cả niềm tin, sức lực của anh trên đó. (Phan, nam, 37 tuổi)

(Có thể không phải mình trông chờ con mình sẽ nuôi mình, mà chỉ có con đẻ sau này khi về già sẽ có người thăm qua lại, chia sẻ về tình cảm, mình có một thế hệ sau chẳng hạn. Jimmy có suy nghĩ vậy không?) Không suy nghĩ như vậy, vì Chi và mình cũng chưa nói sâu về vấn đề này. 2 đứa chỉ nghĩ là ok, nếu mà tài chính vững thì sẽ nhận con nuôi về vì 2 đứa cũng thích con nít. Cũng muốn nuôi 1 đứa bé vậy, nhưng chuyện là nuôi vì lý do gì thì cũng chưa nghĩ tới. (Jimmy, nữ, 28 tuổi)

Khi tìm hiểu sâu hơn các mối liên hệ giữa mong muốn có con trong tương lai với các biến số khác, kết quả phân tích số liệu định lượng cho thấy mặc dù không có nhiều nhân tố tạo nên sự khác biệt về mong muốn có con trong nhóm nam. Tuy nhiên khi phân tích trên tổng thể mẫu cả nam và nữ, có thể thấy xu hướng nhu cầu có con trong tương lai tập trung hơn ở các cặp đôi đã bộc lộ với xã hội và gia đình, có mối quan hệ tình cảm với gia đình tốt hơn, thời gian của mối quan hệ lâu hơn, đã sống chung với nhau, hiện có việc làm, và càng thu nhập cao càng có xu hướng mong muốn có con. Khi phân tích riêng với nhóm nữ, những xu hướng trên càng thể hiện rõ rệt hơn. (Xem chi tiết tại bảng 8, phụ lục)

Hình thức chọn lựa

Nhìn chung, việc có con và nuôi dạy con ở các cặp đôi tham gia phỏng vấn đa số không có kế hoạch rõ ràng. Thực tế là chưa có đôi nào

bàn luận cụ thể liên quan vấn đề này mà thường nhìn về khía cạnh con cái như một tương lai xa.

Khi đẻ con trong mối quan hệ đồng giới là điều không thể, các cặp đôi lựa chọn cho mình các hình thức đa dạng và tùy vào hoàn cảnh từng gia đình. Khá nhiều cặp đôi chọn cách đầu tư tình cảm, tài chính và công sức cho cháu mình để cháu có thể thay thế người con.

Thì em chắc chắn được là điều kiện kinh tế sẽ ổn định thì em phải tạo điều kiện cho cháu mình ấy, chẳng hạn mình ràng buộc nó bằng việc mình sẽ, ừ bây giờ con học giỏi con muốn đi du học ở đâu thì hai cô hay hai dì sẽ lo cho con, như vậy nó sẽ biết mình quan tâm đến nó thì ngày tết, hay những ngày như ngày phụ nữ nó sẽ đến với mình để có sự ấm cúng của gia đình tạo ra bởi những đứa cháu, nhưng phải quan tâm đến nó trước bằng việc lo lắng cho nó thì tương lai xa là như vậy, còn những ngày không phải ngày lễ thì hai đứa sẽ đi du lịch (Jimmy, nữ, 28 tuổi)

Trong khi đó, khoảng 1/5 số người tham gia phỏng vấn sâu có ý định có con đẻ của mình cho dù kế hoạch này vẫn chưa có gì rõ ràng.

Thực ra đã nghĩ đến rồi nhưng sẽ không phải là con nuôi mà là một người nào đấy sẽ đẻ. Tức là mỗi người sẽ có một người con để nuôi chứ không định nhận con nuôi. Thực ra thì chưa nghĩ đến việc đấy. Cũng nghĩ là sẽ có một đứa con nhưng không phải là 2 người nuôi mà người mẹ sẽ nuôi. Thì đơn giản là mình muốn có một đứa con của mình thôi. Mình có cảm giác là không phải mình làm điều đó, đơn giản là mình muốn như bao người khác cũng có một người con. Chắc chắn là cả 2 người không sẵn sàng để nuôi 1 đứa trẻ trong nhà. Em cũng không hiểu sao không nghĩ nhiều về vấn đề đấy. Nếu giả sử em có con, chắc là vì em chưa sẵn sàng. Có thể vì em rất yêu cháu em, em lo cho nó từ khi nó còn nhỏ. Đến bây giờ em vẫn chăm sóc nó, chỉ bảo cho nó rất nhiều, đi chơi nói chuyện rất nhiều với nó. Nhưng bây giờ bảo có một đứa con thì em cũng chưa nghĩ đến là em phải nói như thế nào. Thực ra em nghĩ nghiêm túc là với một người bạn gái của em thôi. Có nói với bạn em nhưng cả 2 người chưa có gì nghiêm túc về vấn đề đấy. Tức là bạn trai của em không nói gì cả. Bạn gái của em không phải là người em yêu mà là một người bạn rất yêu em, họ rất muốn có con với em. (Tú, nam, 32 tuổi)

Duy nhất có 1 đôi nữ được gia đình một của một bên ủng hộ và khuyến khích các bạn sinh con vì tuổi đã lớn. Tuy nhiên, hai bạn lại

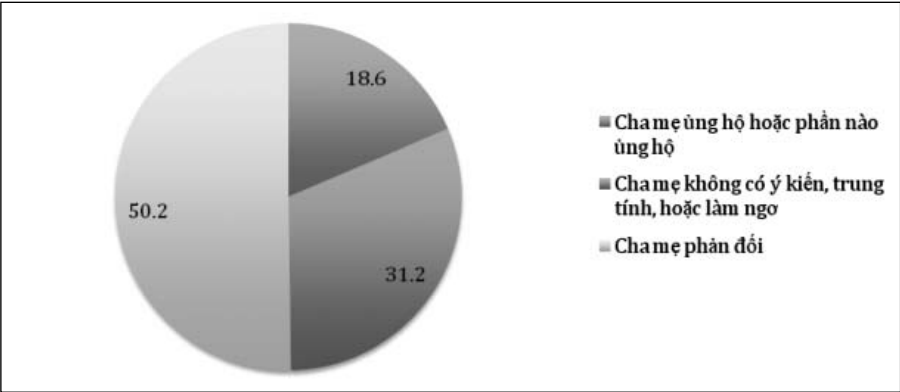
muốn nuôi con nuôi vì quan niệm cuộc sống có ích cho cộng đồng chứ không phải do họ không thể sinh đẻ

2 đứa mình thì hướng theo hướng nhận con nuôi nhưng thực ra đôi khi cũng nói nhận con nuôi thì phải nhận ai đã. Chứ không thể nói là nhận chung chung hay thiết tha đến mức mà phải đi đâu đấy mà kiếm con. Mình đang có rất nhiều mối bận tâm, nhiều mối đam mê, nhiều dự định nên cứ từ từ. Vì đôi khi gặp 1 trường hợp như là duyên số nó đến, cảm thấy có duyên với mình thì mình sẽ nhận. Vì mình nghĩ thứ nhất là các cặp nam và nữ hạn chế đẻ con vì đã đông dân số quá rồi. Bao nhiêu vấn đề xã hội phát sinh chỉ vì quá là đông. Và có rất nhiều trẻ mồ côi, trẻ không được nuôi dưỡng nó cần tình cảm. Tình cảm đấy có thể giúp đứa trẻ lớn lên, trở thành 1 người có ích thay vì trở thành tệ nạn thì mình hướng theo hướng đấy hơn. (Lan Mai, nữ, 34 tuổi)

Thực ra thì Thu biết ai đều cũng có tuổi cả, qua cái tuổi ấy đi thì chuyện đấy nó hơi bị khó. Cho nên Thu có dự kiến trong 5 năm tới có con, không phải là còn nuôi mà là sinh con đấy. Ai cũng có dự kiến trước cái thời điểm, nhưng để làm được thì cần có từng bước như phải ổn định tài chính trước khi sinh con hoặc là gì đấy. Nếu mà con nuôi thì Thu có thể nhận bất kì thời điểm nào còn sinh con thì Thu bắt buộc phải làm điều đấy gấp rút trong khoảng 5 đến 7 năm tới tại nếu qua tuổi 30 thì thấy không hợp lý. (Thu, nữ, 26 tuổi)

4.3. Nhu cầu để gia đình hai bên thừa nhận cuộc sống chung

Biểu đồ 9: Thái độ của cha mẹ đối với quan hệ cùng giới

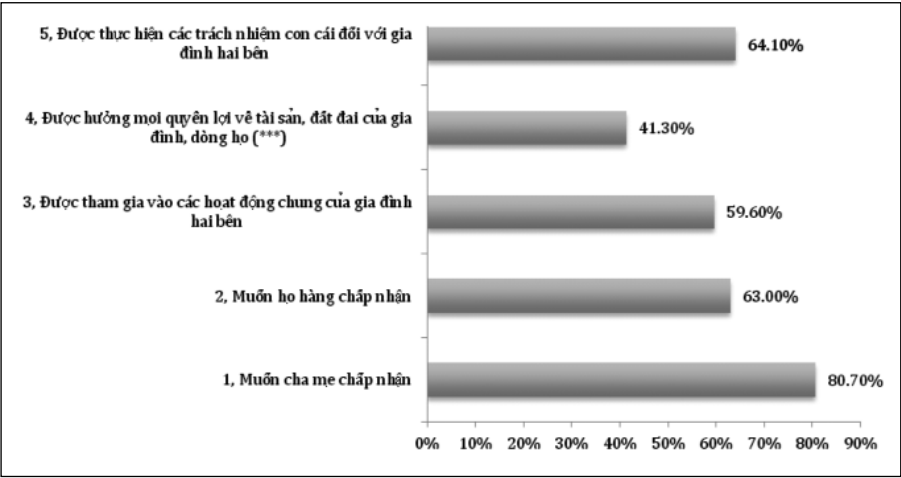


Với những người đã bộc lộ hoặc úp mở về mối quan hệ cùng giới của mình với gia đình, có đến 50.2% cho biết mối quan hệ đó bị cha

mẹ phản đối, 31.2% cho biết cha mẹ không ý kiến hoặc làm ngơ về điều này. Chỉ có 18.6% được cha mẹ ủng hộ hoặc phần nào ủng hộ tình yêu.

Ngoài ra, 46.3% cho biết tình cảm đó không được sự chấp nhận của họ hàng, thậm chí có đến 16.8% đã từng bị gia đình và họ hàng đe dọa nhằm chấm dứt mối quan hệ đó. Điều này cũng lý giải cho nhu cầu thiết tha của cộng đồng LGBT và những nỗ lực của họ trong việc đạt được sự thừa nhận và cho phép của các gia đình đối với việc kết đôi và sống chung: Có đến hơn 80% cho biết họ mong muốn được cha mẹ chấp nhận, 63% cho biết họ muốn được họ hàng chấp nhận, để có thể làm tròn nghĩa vụ và bổn phận báo hiếu với gia đình (64%).

Biểu đồ 2: Mong muốn, nhu cầu đối với sự chấp nhận của gia đình

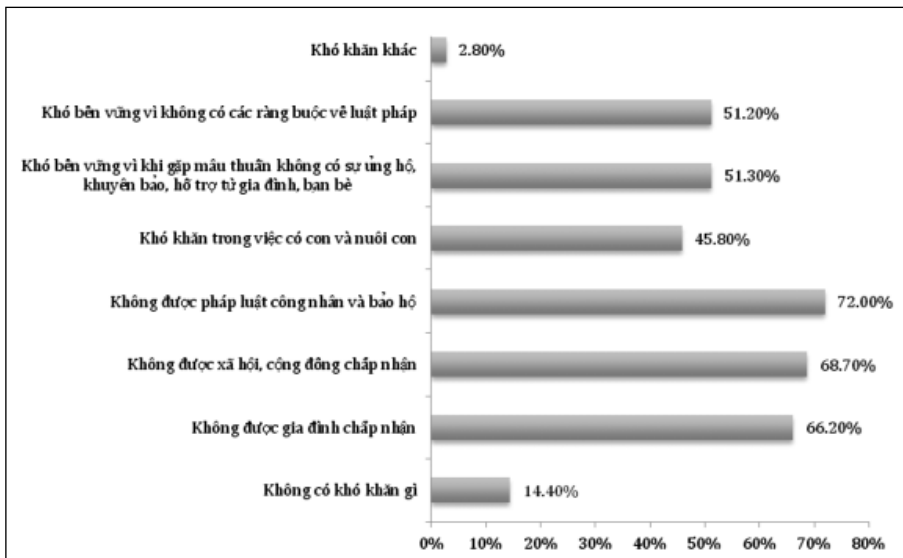


5. NHỮNG KHÓ KHĂN TỪ CUỘC SỐNG CHUNG

5.1. Trải nghiệm những khó khăn thực tế

Phân tích số liệu định lượng cho thấy các cặp đôi cùng giới nhận thấy đa phần các khó khăn của họ đến từ việc không được pháp luật công nhận và bảo hộ (72%), do không được sự công nhận của xã hội và cộng đồng (68.7%), hay gia đình không chấp nhận (66.2%). Bên cạnh đó, theo họ, việc không có sự ràng buộc về mặt pháp luật cũng khiến mối quan hệ của họ khó bền vững (51.2%), hoặc không có sự tư vấn, khuyên bảo hay hỗ trợ khi gặp các mẫu thuẫn trong tình cảm cũng khiến quan hệ của họ kém bền vững hơn (51.3%).

Biểu đồ 13: Những khó khăn trong mối quan hệ cùng giới



Những yếu tố liên quan đến việc các cặp đôi có thể trải nghiệm các hình thức khó khăn kể trên có thể được gợi ý từ một số kết quả phân tích tương quan. Những người hoàn toàn không bộc lộ hoặc bộc lộ một phần có trải nghiệm với các khó khăn trong quan hệ cùng giới cao hơn hẳn những người đã bộc lộ, sự khác biệt này thể hiện rõ hơn trong nhóm nam. Ở cả hai nhóm nam và nữ, việc cha mẹ ủng hộ hoặc ủng hộ phần nào mối quan hệ cùng giới khiến khả năng họ không phải chịu bất kỳ hình thức khó khăn nào cao hơn. Và cuối cùng, việc trải nghiệm ít nhất một dạng kỳ thị và phân biệt đối xử có mối liên quan thuận với trải nghiệm khó khăn trong quan hệ cùng giới. (Xem chi tiết tại bảng 6, phụ lục)

5.1.1. Xung đột, khó khăn nảy sinh từ phía hai người sống chung

Cho dù hầu hết các cặp đôi đều cho rằng họ tìm thấy người có tính tình hòa hợp và cùng chia sẻ quan điểm cuộc sống, nhưng trong sau những năm tháng chung sống, nhiều khó khăn đã nảy sinh ngay trong chính mối quan hệ của hai người.

Ở với nhau thì chỉ là việc nhỏ thôi, lúc đầu bạn của Jimmy rất là lười, vì hai đứa chỉ dọn dẹp các thứ trong phòng của mình thôi: lau phòng quét dọn, hút bụi gì đó thì Jimmy cứ kêu Chi làm mà bạn Chi lại lười, vì vậy lên cơn luôn, không làm thế là cãi nhau, cãi nhau thì sau này bạn Jimmy mới thấy bạn Chi không nhẽo, thấy tội nghiệp nên Jimmy ra tay làm hết, nhưng còn việc nấu ăn thì Chi cũng cần nhằn sao Jimmy không xuống phụ mình nhặt rau hay cắt cà chua hay là cái gì đó... (Jimmy, nữ, 28 tuổi)

Tất cả người tham gia phỏng vấn sâu đều đang làm việc ở lĩnh vực tư nhân (có thể những người đang làm việc ở lĩnh vực công không muốn lộ diện), trong đó khoảng 1/5 tự đứng ra kinh doanh riêng, làm chủ doanh nghiệp và do đó họ cũng thường kéo người bạn đang chung sống cùng hỗ trợ công việc. Càng có sự chia sẻ, cả cuộc sống chung lẫn công việc chung, càng nhiều khó khăn, xung đột có thể nảy sinh. Đây cũng chính là lý do khiến một cặp đôi có thể sẽ chia tay nhau trong thời gian sắp tới.

Những xích mích như ở công ty, việc phải làm bạn ý không làm, bạn ý mãi chơi rồi là đi bar đến tận sáng, xong sáng hôm sau ngủ đến tận trưa. Lúc đó mặc dù em đi đến sáng nhưng em vẫn phải giải quyết công việc.

Hoặc em không đi vì em biết mai phải dậy làm việc, mình có thể ngủ nhưng điện thoại khách hàng người ta gọi. Nhiều lúc em làm hộ bạn em để cho đỡ phải nghĩ. Mình vẫn đảm bảo công việc mà cũng đỡ phải cãi nhau. Hoặc đôi khi bạn em không muốn em chơi với người này, không chơi với người kia. Bạn em có thể chơi nhưng ích kỉ không cho em chơi. (Tú, nam, 32 tuổi)

Xung đột cũng xảy ra khi mối quan hệ đồng giới được ngay cả những người trong cộng đồng coi là không có yếu tố ràng buộc nên khó bền vững, do vậy ở một số cặp đôi sự quản lý về thời gian, mối quan hệ cá nhân của người chung sống với mình tương đối chặt chẽ. Đặc biệt trong mối quan hệ đồng tính nữ, khi hầu hết các cặp đôi đều thổ lộ họ đến với nhau vì tình yêu nhiều hơn tình dục, họ có thể tâm tình, chia sẻ với nhau nhiều điều, do vậy khá nhiều người cho biết người đồng giới đang chung sống của họ vừa là bạn tình, vừa là bạn. Khi thăng hoa, họ có cảm giác cuộc sống trọn vẹn vì chia sẻ toàn bộ với nhau, nhưng khi gặp mâu thuẫn, cãi cọ, họ mới nhận ra mình cô đơn vì cảm giác mất luôn cả người bạn chia sẻ tâm sự buồn vui. Đây cũng có thể là một rủi ro trong mối quan hệ đồng tính nữ, khi các bạn luôn nhấn mạnh đến sự chia sẻ trọn vẹn và hạn chế các mối quan hệ xã hội khác.

Vì hồi xưa Chi làm bên YYphone mà. Hồi 2 đứa mới quen Chi hay kiểm tra email, tin nhắn của Jimmy. Kiểm tra được hết. Chi cũng giận Jimmy lắm. ...nhiều khi 2 đứa rảnh rỗi nằm với nhau nói là "xã buổi trưa có giấu em đi chơi với con nào không?". "Trời, em nghĩ thử coi, em có biết công việc của xã không". Ngay cả với bản thân Chi cũng vậy thôi lâu lâu mình cũng hỏi "em chở xã đi rồi em về rảnh rỗi thời gian có đi đâu gặp ai không, phải nghĩ thử đi". Chi không những là người bạn đời của mình mà còn là người bạn thân nhất của Jimmy. Cho nên thực sự khi 2 đứa gây gổ, Jimmy mới nhìn lại và thấy mình không có bạn để tâm sự. Vì cuộc sống của Jimmy từ trước đến giờ chỉ biết là có Chi bên cạnh là đủ rồi. Mình không quan tâm đến ngoài mối quan hệ làm ăn ra thì không có nhu cầu phải có bạn bên cạnh. Cho nên Chi là 3 trong 1, 4 trong 1, 5 trong 1 gì đó luôn. Vừa làm người yêu, vừa làm vợ, vừa làm bạn, vừa làm tất cả, 1 người quản lý ... tất cả mọi thứ. (Jimmy, nữ, 28 tuổi)

Không giống với cặp đôi chung sống giữa hai người đồng giới, một người tham gia nghiên cứu là người chuyển giới và hiện sống như vợ chồng với một người đàn ông. Với cô, cuộc sống tình dục, sự

chia sẻ vai trò giới, đóng góp kinh tế, quan hệ gia đình hai bên, v.v. không hề có khó khăn, nhưng việc không có khả năng sinh sản sau khi chuyển giới lại luôn được xem là yếu tố quan trọng khiến cho cuộc sống lứa đôi không trọn vẹn và do đó là nguy cơ đổ vỡ gia đình. Hoặc bản thân việc một người đàn ông có thể thay lòng đổi dạ, ly dị vợ để đi theo người phụ nữ khác cũng được coi là chuyện có thể xảy ra bất cứ lúc nào.

Nói chung là đến với nhau rất là tự nhiên, đến bây giờ cũng rất là tự nhiên. Nhân cũng không đặt nặng vấn đề về cái chuyện đó, đến giờ 6 năm rồi trong tư tưởng Nhân lúc nào cũng sẵn sàng một ngày nào đó anh ấy sẽ ra đi, tại vì sao cuộc tình này rất là mong manh, cái thứ nhất mình không thể sinh con cho người ta được mà ông ấy còn rất trẻ bằng tuổi em này thôi mới 30 tuổi thôi, trẻ như thế này, cái thứ hai ngoài xã hội Nhân cũng đã từng nhìn thấy một người con gái thật sự cũng để con cho người ta rồi nhưng người ta vẫn đi với gái, đi với vợ bé vẫn bỏ nhau vẫn bình thường cho nên chuyện tình cảm nó không có cái gì chắc chắn cả. (Nhân, nữ, 40 tuổi)

Chính vì vậy, việc phải có các phương pháp hỗ trợ cuộc sống khi bắt đầu xảy ra đã được nghĩ tới và lên kế hoạch thực hiện.

Nếu như người chồng hiện tại mà không sống với mình sau này có ra đi ấy thì chắc chắn Nhân không bao giờ có chồng nữa, sẽ sống với bạn bè vui vẻ. Nếu mà về già thì Nhân, một là mình làm mình gom góp tiền cho vào ngân hàng đến lúc đó Nhân lớn tuổi rồi khoảng 60 tuổi gì đó sẽ mang hết số tiền vào viện dưỡng lão đóng cho người ta với một cam kết nuôi tôi đến lúc nào đó thì ok nhận được số tiền này, đấy là một cách còn cách nữa thì thật ra Nhân ở quê cũng có nhà rồi, mình sẽ về đó sống và hiện tại Nhân cũng có một căn và có một đứa con nuôi, con nuôi này không phải là nuôi từ nhỏ mà là đứa cháu ruột của Nhân, đứa cháu là con của đứa em ruột, nó sống với Nhân mấy năm rồi, gọi bằng mẹ, nó là con trai năm nay được 20 tuổi, nó ngoan lắm thì một là sau này về quê cho nó hết cái nhà đó và với điều kiện nó chăm lo cho mình, chết thì chôn cất không cần đám rỗ cũng được, chôn là được rồi không phải cúng, không quan trọng cái chuyện đó, có hai cách là như thế. (Nhân, nữ, 40 tuổi)

Cá biệt, khó khăn trong mối quan hệ giữa hai người đồng tính lại có thể xuất phát từ chính mong muốn có con. Không phải vì họ không

muốn có con mà những nỗ lực bỏ ra để có một đứa con đẻ, trái ngược với kết quả một đứa trẻ không nên người đã khiến cho một số người đồng tính không muốn thực hiện kế hoạch có con, trong khi người yêu cùng chung sống lại mong mỏi điều này, đặc biệt ở nhóm đồng tính nữ khi họ phải cân nhắc đến lứa tuổi sinh nở.

Bạn mình thì không muốn có con đâu tại nó bảo chị nó có chồng rồi mà đẻ con ra nuôi mà còn chả được nữa là không có chồng đẻ con ra nuôi sao, bạn mình thì không thích có mình thì tự tưởng tượng là mình có thể nuôi dạy nó được nhưng mà chắc gì khi mà bạn sinh ra xong rồi có thể nếu mà bạn không đủ sức chăm sóc nó thì bạn sẽ phải gửi nó về ông bà nội ông bà ngoại, việc ông bà nội hay ông bà ngoại của hai nhà đều rất là thích trẻ con sẵn sàng là nuôi con hộ, nhưng trách nhiệm chính vẫn là người sinh con chứ không phải là người nuôi hộ. (Thu, nữ, 26 tuổi)

Mặc dù sự bất đồng về quan điểm có con có thể được gọi là một xung đột trong quan hệ giữa hai người, nhưng cho đến thời điểm hiện tại, xung đột này mới chỉ dừng lại ở quan niệm cá nhân trái ngược nhau, chưa được tranh luận một cách kỹ càng và chưa bao giờ bị đẩy lên đỉnh điểm. Lý do là việc có con trong điều kiện cuộc sống lứa đôi của người đồng tính còn nhiều khó khăn, không có được sự hỗ trợ từ bên ngoài và môi trường pháp lý trong nuôi dạy con. Với nhiều cặp vợ chồng dị tính sinh con, họ có thể dựa vào sự đỡ đần của ông bà hai bên trong việc chăm sóc hay trông nom con cái. Vì vậy có khá nhiều cặp đôi vẫn có con từ rất sớm, khi mà hai vợ chồng chưa hoàn toàn tự lập về mặt tài chính. Tuy nhiên, điều này không xảy ra với những cặp đôi đồng tính. Họ không những phải lo kinh tế, tài chính vững vàng trước khi tính chuyện sinh hoặc nuôi con, họ còn không thể trông cậy tới sự giúp đỡ từ gia đình hai bên trong việc hỗ trợ nuôi dạy con. Đây cũng là khó khăn mang tính đặc thù cho các đôi đồng tính nam và nữ khi mối quan hệ của họ chưa được thừa nhận.

Em nghĩ là với một đôi vợ chồng thì cái việc có con nó cũng đơn giản hơn. Ví dụ như gia đình ủng hộ thế này kia. thêm 1 ông bà lo cho quần áo, ăn uống hay những điều cần biết về trẻ em thì người ta cũng có sẵn rồi để người ta làm. Khi mình có đủ tiềm lực để mình làm thì em nghĩ nó là một vấn đề khá lớn và cần phải tìm hiểu. Tức là bản thân của đôi đồng tính đây phải tìm hiểu rất nhiều. Ví dụ như quá trình sinh, nuôi dưỡng như thế phải

ra làm sao, cách cho nó học hành, dạy dỗ như thế nào, phải quan tâm ra làm sao. Thì em nghĩ tất cả những yếu tố ngoài việc vật chất mình đã có rồi để mình phải chuẩn bị cho một đứa trẻ ra đời như thế thì phải lo tất cả vấn đề về ăn mặc, rồi là ăn mặc cho phù hợp, rồi đi nhà trẻ, mẫu giáo làm sao. (Minh, nam, 23 tuổi)

Không những vậy, họ còn phải nghĩ cách để hợp thức hóa đứa con trong mắt gia đình, họ hàng

2 người chưa công khai thì trốn đi đâu 2 năm xong mang đứa trẻ về. Em cứ lấy lý do thế thôi. Em bảo là đi công tác xa trót có con như thế rồi, 2 người không yêu nhau, con được quyền nuôi con. (Minh, nam, 23 tuổi)

5.1.2. Khó khăn nảy sinh từ phía gia đình và những người xung quanh

Xung đột cá nhân còn bắt nguồn từ chính mối quan hệ hiện có với các giá trị cá nhân theo đuổi. Thường thấy nhất ở các cặp đồng tính là giá trị người con có hiếu với bố mẹ và được sống thật với bản thân mình. Như đã nêu ở phần mối quan hệ với gia đình, gia đình luôn đóng vai trò quan trọng quan trọng trong ảnh hưởng đến mong muốn, chiến lược lựa chọn để hài hòa giữa cuộc sống cá nhân của người đồng tính và gia đình của họ.

Trong nghiên cứu này có thể chia thành hai nhóm người tham gia. Một nhóm là những người hoàn toàn giấu kín gia đình về xu hướng tính dục và cuộc sống chung hiện tại với người đồng giới. Nhóm thứ hai là những người đồng tính nam và nữ mà gia đình đã biết về xu hướng tình dục của họ và lời mờ nhận ra mối quan hệ đồng giới mà con cái họ đang có. Với những cặp đôi thuộc nhóm thứ hai, cảm nhận của họ là hạnh phúc hơn khi gia đình hai bên chấp nhận cặp đôi phần nào và mối quan hệ của họ cũng có thể được coi là có sự hỗ trợ nhất định. Ví dụ khá nhiều người bạn đời chung sống được gia đình người kia coi như người thân trong nhà để chia sẻ và hỏi ý kiến các vấn đề của gia đình như mua nhà cửa, cúng giỗ, v.v. Mặc dù không phải là sự thừa nhận vai trò dâu/rể chính thức, nhưng sự tin tưởng và gần gũi này cũng khiến cho các cặp đôi cảm thấy gắn bó với nhau hơn.

Trong khi với những cặp đôi có một hoặc cả hai người thuộc nhóm thứ nhất tỏ ra dè dặt hơn trong những kế hoạch cho cuộc sống lâu

dài. Họ thường giới thiệu người yêu cùng chung sống như một bạn thân trong những dịp về thăm gia đình vì nhu cầu muốn biết, gần gũi và chăm sóc gia đình hai bên là nhu cầu của tất cả những người đồng tính đã chung sống với nhau. Và các gia đình chưa biết đến bản dạng giới của con cũng đều tỏ ra rất quý mến người bạn mà con giới thiệu. Chỉ có điều người con không muốn bộc lộ với gia đình về xu hướng tính dục của mình, về mối quan hệ thực sự với người kia vì sợ gia đình sẽ phản đối và gây khó khăn cho cuộc sống cá nhân họ. Như vậy sự phản đối của gia đình ở đây chính là sự phản đối về tình yêu đồng giới, về xu hướng tính dục đồng tính chứ không phải là con người cụ thể mà con cái họ có quan hệ cùng. Việc giấu kín gia đình là để người đồng tính có thể có cuộc sống cá nhân tự do hơn, có quan hệ với người cùng giới mà họ mong muốn. Nhưng cũng chính việc giấu kín này khiến cho mối quan hệ chung sống với người đồng giới không thể tiến xa hơn – đó là sự thừa nhận của gia đình về cuộc sống chung giữa hai người. Đã có bạn hy sinh tất cả cho người cùng chung sống về mọi phương diện tình cảm, tài sản vật chất, nhưng nếu phải lựa chọn, bạn vẫn chọn bố mẹ vì không muốn làm người con bất hiếu. Quan niệm *“nếu phải lựa chọn thì em chọn mẹ chứ không phải người yêu em đang chung sống”* là quan niệm tương đối phổ biến. Đây không phải là xung đột hàng ngày của các cặp đôi đồng tính, nhưng lại là mối tiềm ẩn dẫn đến những khó khăn, thậm chí đổ vỡ trong mối quan hệ khi hiện tại rất nhiều cặp đôi chưa thực sự bộc lộ bản chất mỗi quan hệ mình đang có.

Khá nhiều cặp đôi trong nghiên cứu định tính thể hiện mối quan ngại về môi trường nuôi dạy con trong một xã hội dị tính cái nếu họ sử dụng hỗ trợ sinh sản để đẻ con hoặc xin con nuôi. Họ đều xác định rằng, những khó khăn trong môi trường nuôi dạy con không phải từ chính cặp đôi họ vì *“mình nghĩ là những cặp đồng tính rất khó để có con nên khi mà có con thì người ta sẽ thương hơn những cặp bình thường. Giả sử những cặp hiếm muộn, khi mà người ta có con, người ta rất yêu quý, rất là thương. Cho nên khi đã yêu quý con như vậy thì những cha mẹ đồng giới sẽ phải có cách nào đó bảo vệ con mình. Mỗi gia đình thì sẽ có cách khác nhau sao cho con mình phát triển theo chiều hướng tốt nhất”*. Tất cả những người tham gia nghiên cứu đều nhận định rằng: *“Cái ảnh hưởng đấy không phải do 2 người mà là do*

xã hội. Nếu mà xã hội vẫn còn kì thị thì những đứa trẻ đấy lớn lên sẽ không có đủ sự bao dung, không nhìn thấy được sự đa dạng trong các giá trị về gia đình. Ảnh hưởng là ai gây ảnh hưởng, đầu phải cha mẹ gây ảnh hưởng đầu, do xã hội chứ. Đơn giản nó bước ra đường người ta nói: trời ơi ba mày bê đê thế này thế kia các thứ bệnh hoạn hay cái gì thì nó là con nít nó nghe những cái đó cảm thấy nó lớn lên rất là khó khăn. Cha mẹ lúc nào cũng muốn dành những thứ tốt nhất cho con mình. Đây là cái những người làm công tác xã hội mình nghĩ là nên hướng đến để tạo ra môi trường xã hội tốt hơn cho những cặp mà có con. Và thực ra trên thế giới thì người ta cũng đã nghiên cứu rồi, là hầu như không có ảnh hưởng gì cả. Đứa trẻ lớn lên có lòng bao dung hơn, hiểu sâu sắc hơn, dễ đồng cảm hơn.”(Lan Mai, nữ, 34 tuổi)

Trên thực tế, những lo ngại về môi trường kỳ thị người đồng tính và gia đình họ, cũng như chưa có sự thừa nhận của pháp luật để hợp thức hóa các mối quan hệ đã khiến cho tất cả các cặp nam đồng tính tham gia nghiên cứu, dù lớn tuổi nhưng vẫn cảm thấy bế tắc khi đặt vấn đề có con. Và chắc chắn khi quan niệm về một gia đình phải có bố, có mẹ như hiện nay sẽ khiến trẻ ở các gia đình như bố, mẹ đơn thân cũng phải chịu các tác động tâm lý.

5.1.3. Khó khăn nảy sinh từ các vấn đề hành chính, pháp lý liên quan đến cuộc sống chung

Trên thực tế, hầu hết các cặp đôi tham gia nghiên cứu định tính chưa trải nghiệm những khó khăn liên quan đến các thủ tục hành chính, pháp lý liên quan đến cuộc sống chung. Bản thân khi quyết định sống chung, họ đã hiểu những khó khăn về các quy định pháp lý, do đó đã có những bước chuẩn bị nhất định. Ví dụ về việc chia sẻ tài sản để khi chia tay người có thu nhập thấp hơn vẫn có cuộc sống ổn định, hoặc sử dụng các giao dịch dân sự để cùng đứng tên tài sản. Tuy nhiên, có khá nhiều các vấn đề pháp lý liên quan trong cuộc sống chung nằm ngoài khả năng giải quyết của các cặp đôi, đặc biệt là các phúc lợi và quyền đại diện.

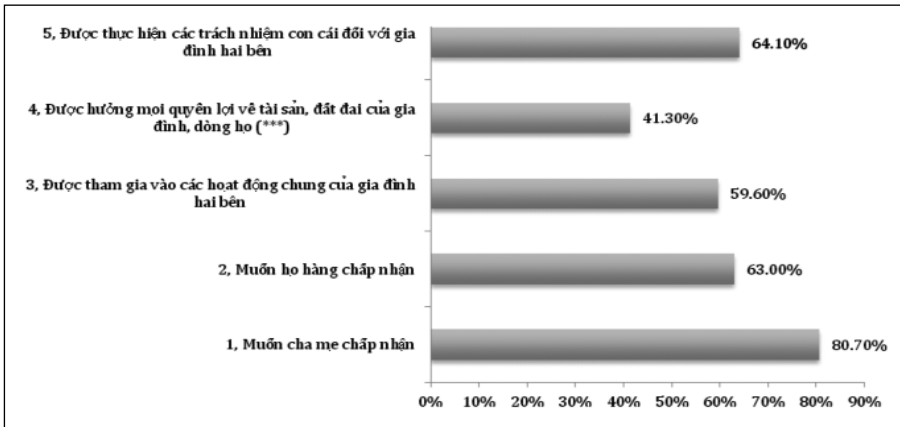
Có cặp đôi cho biết một trong hai người người được hưởng chế độ bảo hiểm y tế của cơ quan làm việc và chế độ bảo hiểm này cũng bao phủ cho vợ/chồng và con cái của người đó. Mặc dù cặp đôi này đã

sống với nhau 3 năm, có các đóng góp chi tiêu và sở hữu tài sản chung, bộc lộ mối quan hệ sống chung của mình với gia đình hai bên và bạn bè, nhưng mối quan hệ có bản chất hôn nhân này vẫn chưa được thừa nhận về mặt pháp lý. Do vậy, người cùng chung sống không được hưởng chế độ phúc lợi dành cho vợ/chồng. Một cặp đôi khác lại tỏ ra quan ngại về quyền đại diện của người này đối với người kia, đặc biệt khi một người là dân di cư từ tỉnh lên thành phố sinh sống: *“Nếu có vấn đề gì xảy ra với Hằng, ví dụ như phải đi bệnh viện thì em không thể đứng ra kí các giấy tờ đại diện, đảm bảo... chẳng nhẽ mình cứ phải gọi người nhà từ quê lên mới giải quyết được, bọn em cũng không biết thế nào”* (Spike, nữ, 25 tuổi).

6. NHU CẦU HÌNH THÀNH QUAN HỆ HÔN NHÂN

6.1. Quan điểm và nhu cầu đối với các hình thức công nhận pháp luật đối với quan hệ cùng giới

Ở các phần phân tích trên đã đề cập về các hệ quả đối với những người đồng tính và cặp đôi sống chung giới khi chưa được pháp luật thừa nhận, bao gồm sự kỳ thị, phân biệt đối xử từ gia đình, xã hội, cặp đôi phải sống giấu mình và không thể thực hiện được các nhu cầu tạo dựng một cuộc hôn nhân và gia đình bền vững. Ở phần này, những hệ quả của việc pháp luật không thừa nhận cũng được nhắc đến khi người đồng tính nói về nhu cầu hình thành quan hệ hôn nhân của mình. Gần như toàn bộ người tham gia trả lời điều tra trực tuyến cho biết họ ủng hộ sự công nhận pháp lý đối với hôn nhân cùng giới.



(ghi chú: Trong số những người không đồng ý với hình thức kết đôi dân sự (N=227), có đến 96.5% lựa chọn chỉ đồng tình với hình thức kết hôn hợp pháp).

Mong muốn pháp luật thừa nhận mối quan hệ hôn nhân đồng giới chiếm tỷ lệ rất cao vì hai lý do. Thứ nhất, đó là nhu cầu cuộc sống thực tế của rất nhiều người đồng tính khi họ muốn được chung sống, công khai hóa cặp đôi của mình và được đảm bảo mọi quyền lợi và nghĩa vụ trong hôn nhân. Thứ hai, luật hóa hôn nhân đồng giới mang ý nghĩa đem lại sự bình đẳng cho mọi cá nhân trước pháp luật.

Theo Tria nghĩ thì cái sự cấm đó chính là sự kì thị. Tụi tôi cũng là người bình thường, tụi tôi cũng đóng thuế, nhiều khi đóng thuế nhiều hơn những người dị tính khác nữa. Tại sao tụi tôi không được hưởng quyền lợi của những người bình thường. .. anh cấm như vậy là anh kì thị tôi, vì làm sao phải cấm. Tụi tôi đâu có làm gì trái luật đâu. Chính vì các anh kì thị, mà khi kì thị thì các anh tước bỏ quyền lợi con người của những người đồng tính. Đây là sự cam chịu, chia sẻ với bạn bè, ngại đấng nuốt cay không có một cái gì bảo vệ. Triamới nói là cần cái gì đó bảo vệ mình. Bảo vệ những quyền lợi căn bản nhất của 1 con người. Thật ra không cần họ cao siêu, không cần phải có gói chính sách này kia, chỉ cần cái gì đó căn bản nhất, quyền lợi của 1 con người thôi là được rồi. (Tria, nam, 27 tuổi)

Và việc thừa nhận của luật pháp sẽ là bước tiến cơ bản nhằm đẩy lùi sự định kiến, kì thị của xã hội đối với người đồng tính và tạo điều kiện cho họ được sống tốt và cống hiến cho xã hội. Một số cặp đôi hiện đang rất hài lòng với những dàn xếp của cuộc sống lứa đôi hiện tại vì quan niệm cho rằng mối quan hệ của họ có thể kéo dài như vậy là dựa trên tình yêu đích thực mà một tờ giấy chứng nhận của pháp luật không thể thay thế. Tuy nhiên khi nhìn vào những mối quan hệ xung quanh mà được cho là “tạm ổn” với gia đình, người thân và bè bạn, họ đều thừa nhận nếu pháp luật ủng hộ thì cuộc sống lứa đôi của họ sẽ được coi là thuận theo lẽ phải và điều này sẽ dẫn tác động tới quan niệm của người xung quanh và do đó mối quan hệ của cặp đôi với những người thân sẽ được cải thiện rõ rệt.

Thế mới hy vọng luật bảo vệ người đồng tính ra đời. Lúc đấy mình có thể công khai được hoặc mình có tiềm lực kinh tế, có nhà cửa ổn định rồi thì chẳng ai có thể nhìn vào, hàng xóm chẳng ai nghĩ mình như thế nào cả. Quan trọng là bạn bè, bố mẹ hay người thân sẽ thay đổi. Đấy mới là yếu tố quan trọng.

Từ đó bắt đầu tụi mình có cuộc sống thoải mái hơn, tụi mình mới mạnh dạn phát triển hơn, tụi mình mới tham gia xã hội 1 cách tích cực hơn thì như vậy mình thành 1 công dân tốt hơn thì xã hội sẽ tốt đẹp hơn (Tria, nam, xx tuổi)

Một số cặp đôi bắt đầu nhìn xa hơn vào kế hoạch cuộc sống gia đình, không chỉ dừng lại ở việc gắn bó, thể hiện tình yêu với người đồng giới mà mình lựa chọn, họ cũng muốn thực hiện những nhu cầu khác của một gia đình như sinh con và nuôi con. Do đó họ cần một môi trường bình đẳng, đảm bảo cho sự phát triển của một gia đình đồng giới và con cái của họ. Có cặp đồng tính nữ cho biết rằng nếu 2,3 năm nữa mà pháp luật Việt Nam chưa công nhận hôn nhân đồng giới, họ sẽ ra nước ngoài sinh sống để đảm bảo cuộc sống cho con.

Đó lại càng rối ren hơn nữa. Đứa con đó mà giả sử luật pháp không công nhận thì đứa con đó đứng trên giấy tờ như thế nào. Nó lấy họ ai, lấy tên ai. Rồi khi giả sử ba mẹ đột ngột mất đi thì khối tài sản ai sẽ đứng ra được hưởng. Vì đâu có cái luật nào quy định này kia đâu. Bởi vậy mới hy vọng là có 1 ngày nào đó có 1 cái gì đổi mới với Việt Nam. (Luck, nam, 34 tuổi)

Nếu thực sự đứa trẻ đầy được luật pháp bảo hộ về quyền lợi của người con, quyền lợi của những cặp đồng giới thì sẽ tốt hơn rất là nhiều. Đó sẽ là những cơ hội, những bàn đạp để nó vươn ra cuộc sống. Còn giả sử như nếu không có sự bảo hộ thì rất là khó cho nó. Thứ nhất là về mặt giấy tờ. Thứ 2 là về quyền lợi của nó đối với những gia đình đồng giới như vậy rất là tội. Nhưng thực sự xã hội, luật pháp không nhìn nhận nhưng tụi em vẫn phải cố gắng, gồng gánh làm sao để những điều tốt nhất dành cho nó. Khi nhận được những cái cởi mở của xã hội, luật pháp hỗ trợ thì là những cái rất là tốt để tụi em có thể nuôi dạy con mình. Có thể mang những quyền lợi tốt nhất cho con mình thôi. Thật sự thì điều đó rất ý nghĩa với những người đồng giới như tụi em. Tại vì sao, có nhiều người nói là ok, bây giờ yêu nhau luật pháp không công nhận cũng được. Nhưng em thì suy nghĩ khác, đúng yêu nhau thì luật pháp không công nhận thì mình vẫn yêu nhau như bình thường. Nhưng khi mà luật pháp công nhận thì nó đánh dấu một cái mốc mà từ đó trở về sau xã hội sẽ có những quan điểm cởi mở hơn, thay đổi từ từ. (Hợp, nữ, 35 tuổi)

Bên cạnh đó, ý kiến khác cho rằng kết hôn/đăng ký sống chung chính thức là một hình thức vừa thừa nhận và tạo ra sự ràng buộc trong mối quan hệ của hai người cùng giới và là một trong những yếu tố tạo nên sự bền vững.

Thực ra vấn đề này là vấn đề của mọi người, mọi nhà. Vấn đề nào cũng vậy, tức là có 2 mặt của nó. Bây giờ anh muốn được xã hội chấp nhận thì anh phải sống tốt hơn. Phải có những vấn đề ngược lại, là sao nhờ xã hội chấp nhận thì chúng tôi mới sống tốt hơn được. Như mọi vấn đề về cặp dị tính khác cũng vậy thôi. Cũng có những người cưới nhau rồi nhưng vẫn đi ăn chả. Chuyện đó là bình thường nhưng ở trong đồng giới nhiều hơn vì nó chưa có những cái luật, những trách nhiệm của 2 người với nhau. Giả sử khi có như vậy, luật quy định thì tất nhiên những cái đó sẽ bị hạn chế. Cái gì cũng có 2 mặt hết. Chính vì các anh không công nhận nên tụi tôi phải sống chui rúc. Khi mà sống chui rúc thì tụi tôi rất thiếu thốn tình cảm. Khi mà thiếu thốn tình cảm thì tụi tôi lại đến với nhau dễ dàng hơn. Mà đến với nhau dễ dàng nhưng không có gì ràng buộc hết thì tụi tôi ra đi rất dễ dàng. (Luk, nam, 34 tuổi)

Với một số người đã trải nghiệm những quyền lợi liên quan đến người thân trong thể chế hôn nhân thì họ rất ủng hộ cho sự hợp thức hóa hôn nhân/kết đôi dân sự của người cùng giới

Nếu thực sự luật pháp không công nhận thì người đồng tính không biết làm thế nào luôn. Vì các anh không công nhận tôi, không có một công cụ gì để bảo vệ tôi hết. Đối với những trường hợp nhạy cảm như vậy thì tất nhiên tôi bị tổn thương, tôi sẽ trắng tay và tôi không có cách nào để bảo vệ mình hết. Bởi vậy mới nhờ những luật gia, nhờ quốc hội thông qua những cái này để cho tôi những cái để tự bảo vệ mình trước những vấn đề như vậy. Khi mà các anh công nhận hôn nhân đồng giới thì sẽ kéo theo những quyền lợi và nghĩa vụ của 2 bên. Khi đó thì những tài sản rồi những vấn đề tế nhị đó cũng được bảo hộ. Luật quy định rõ ràng là sở hữu thế nào, chứ giả sử các anh mà không công nhận rồi thì chúng tôi lại cùng nhau sống, cùng nhau xây dựng một khối tài sản như vậy. Bây giờ 2 người có vấn đề thì khối tài sản sẽ đi đâu. Không có một luật gì để công nhận điều đấy. Đơn giản hơn là việc mua bảo hiểm. Công ty Luk mới vô làm thì được mua bảo hiểm. Bây giờ nó kêu mua bảo hiểm cho người trong gia đình thân nhất, tức là vợ hoặc chồng, hoặc con thôi. Còn bây giờ Luk sẽ làm thế nào đây. Ai sẽ là người đứng ra hưởng cái bảo hiểm đấy. Đó là quyền lợi đơn giản nhất thì mất cái quyền đó rồi. Rồi ngay cả khi người ta công khai giới tính của mình. Đã được pháp luật chấp nhận cho nên nếu công ty nào đuổi vì lý do anh là người đồng tính thì sẽ phạm luật, mình được quyền kiện lại. (Tria, nam, 27 tuổi)

Một hậu quả của việc không thừa nhận người đồng tính và mối quan hệ đồng giới là đã có rất nhiều người phải tạo vỏ bọc cho mình. Đó là chia sẻ của người tham gia về các thành viên trong diễn đàn dành cho người đồng tính nữ. Để đạt được đầy đủ các mong muốn trong cuộc sống, họ phải tiến hành từng bước, đó là địa vị trong xã hội như một người phụ nữ - lập gia đình và có con, sau đó mới tìm đến hạnh phúc cho riêng mình bằng cách ly dị chồng hoặc duy trì những mối quan hệ bên ngoài. Các bạn chia sẻ bức xúc:

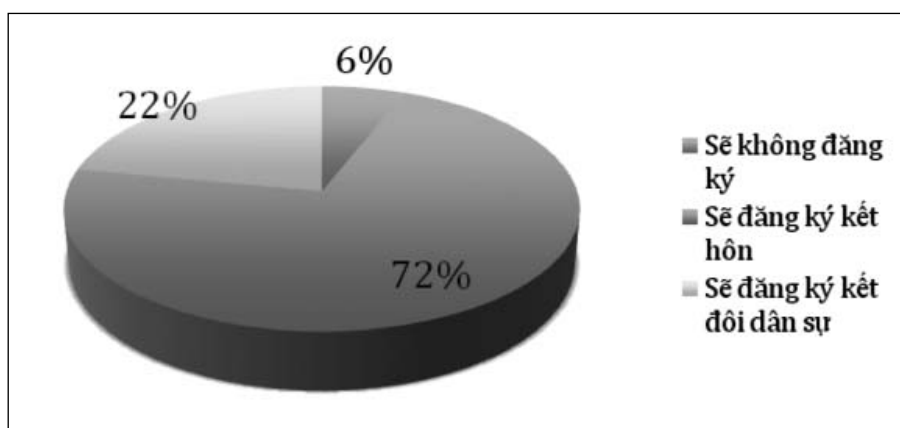
Người ta bắt đầu có chồng có con là người ta bớt các mối lo, tự tin hơn trong cuộc sống, người ta cảm giác là có cái gì rồi. Thực ra quay lại đã có hay chưa, người ta nghĩ lại những cái người ta phải kìm nén. Nên là trong diễn đàn rất nhiều người vào mời mọc những mối quan hệ là tôi đã có chồng có con nhưng tôi vẫn muốn tìm bạn. Còn giả sử như không có cái mốc này (sự công nhận của luật pháp) thì tụi em sẽ mãi mãi là những người sống vô hình trong xã hội này thôi. Vẫn phải đeo cái mặt nạ (Hợp, nữ, 32 tuổi)

Nhu cầu cần được pháp luật nhìn nhận không chỉ xuất phát từ phía bản thân cuộc sống của cặp đôi đồng giới mà còn là những lo lắng của họ cho chính gia đình bố mẹ mình khi xã hội chưa chấp nhận người đồng tính, chưa chấp nhận một gia đình “không biết nuôi dạy con”. Chính vì điều khiến cho nhiều cặp đôi đồng giới không muốn sống gần gia đình, ra ở riêng và không hoàn toàn bộc lộ mối quan hệ của mình với gia đình. Như đã nêu ở trên, ở nhiều cặp đôi, bố mẹ hai bên rất quý người bạn trong mối quan hệ đó, coi là con em trong nhà, nhưng vẫn theo nghĩa là vì có quan hệ lâu dài, thân thiết, là người tốt, chứ không phải là vợ/chồng của con mình.

Gia đình thì chắc chắn bị ảnh hưởng rất là nhiều. Gia đình ví dụ như bố mẹ hay anh chị em, tất nhiên người gia đình máu mủ ruột thịt với nhau thì đồng cảm, ừ thì thôi chúng nó yêu nhau thì cho chúng nó cưới. Nhưng em nghĩ là vẫn phải nghĩ cho gia đình một chút từ phía xã hội nhìn về gia đình. Tác động đến bố mẹ, người thân, anh chị em trong nhà. Người ta nhìn vào, soi mói, nói thế này thế khác. Người ta nhìn nhận một cách không chính xác về người đồng tính, áp đặt lên người thân trong gia đình mình. Và những người thân trong gia đình mình thì chưa hiểu sâu sắc được về bản chất người đồng tính là như thế nào nên nó cũng sẽ có những tác động. (Minh, nam, 23 tuổi)

Với lựa chọn công nhận pháp lý theo hình thức cặp đôi cùng giới được cho phép kết đôi dân sự (sống chung có đăng ký) hợp pháp mà không phải hôn nhân, tỷ lệ ủng hộ với phương án này có giảm hơn so với phương án công nhận hôn nhân (75%) tuy nhiên cũng chiếm đa phần. Có thể do mức độ hiểu biết về bản chất của hình thức công nhận này còn hạn chế. Bên cạnh đó, đa số những người không chọn phương án kết đôi dân sự là do họ chỉ chọn duy nhất phương án mong muốn luật pháp thừa nhận hôn nhân cùng giới. Họ hiểu rõ bản chất về sự bảo hộ pháp luật cho các quyền lợi và nghĩa vụ của cặp đôi đăng ký, nhưng sự thừa nhận cao nhất mối quan hệ, nghĩa là kết hôn, còn mang ý nghĩa tâm linh và văn hóa đối với các cặp đôi và gia đình của họ. Trong tình huống giả định các hình thức đăng ký kết đôi dân sự và kết hôn đồng tính được pháp luật cho phép, đa phần người trả lời cho biết họ sẽ đăng ký kết hôn (72%), 22% cho biết họ sẽ áp dụng hình thức đăng ký kết đôi dân sự. Chỉ có 6% cho biết họ sẽ không đăng ký. Ngoài ra, có một số người cho biết họ sẽ cân nhắc giữa việc áp dụng kết hợp hai hình thức đăng ký để đảm bảo cho cuộc sống hôn nhân của mình được bền vững, ví dụ: đăng ký kết đôi dân sự trước, sau một khoảng thời gian nhất định thì sẽ đăng ký kết hôn.

Biểu đồ 14: Lựa chọn các hình thức đăng ký trong trường hợp được pháp luật cho phép (n=1881)



Khi phân tích về nhu cầu đăng ký kết hôn trong nhóm người trả lời trong độ tuổi kết hôn và hiện đang có mối quan hệ cùng giới và sống chung (n=56), có thể nhận thấy nhu cầu kết hôn của họ cao hơn: 76.8%

cho biết họ sẽ đăng ký kết hôn, 21.4% cho biết họ sẽ đăng ký theo hình thức kết đôi dân sự, và chỉ có 1 trường hợp cho biết sẽ không đăng ký.

Một số phân tích tương quan về nhu cầu kết hôn cũng gợi ý rằng: hình thức kết hôn được ưa chuộng hơn trong nhóm các cặp đôi nữ hơn là nam. Trong nhóm nam giới, những người hoàn toàn không bộc lộ về khuynh hướng tính dục với gia đình hay trong các bối cảnh khác nhau, những cặp đôi bị cha mẹ phản đối, có mức độ gắn kết tình cảm với gia đình hai bên kém, và là những người cho biết không mong muốn có con trong tương lai có xu hướng sẽ không đăng ký dưới bất kỳ một hình thức nào. Còn với nhóm nữ, xu hướng lựa chọn không kết hôn dưới hình thức nào chỉ được ghi nhận đáng kể trong nhóm người hoàn toàn không bộc lộ với gia đình và cho biết không muốn có con trong tương lai. Nhìn chung ở cả hai nhóm nam và nữ, những người cởi mở hoàn toàn với gia đình và các bối cảnh khác nhau về khuynh hướng tính dục, được cha mẹ ủng hộ hoặc phần nào ủng hộ quan hệ cùng giới, có quan hệ tốt với hai gia đình và mong muốn có con trong tương lai có là những người có xu hướng muốn đăng ký kết hôn đồng đẳng nhất.

Còn với hình thức đăng ký kết đôi dân sự, tỷ lệ lựa chọn dù thấp hơn nhiều so với đăng ký kết hôn, có thể nhận thấy xu hướng những người cho biết sẽ lựa chọn hình thức đăng ký này là những người không bộc lộ về khuynh hướng tính dục với cả gia đình và các bối cảnh khác, là những cặp đôi bị gia đình phản đối và có quan hệ không tốt với gia đình hai bên, và là những người chưa nghĩ đến việc có con trong tương lai. Những thông tin từ số liệu định lượng có thể gợi ý về trải nghiệm và lo ngại kỳ thị từ phía gia đình và xã hội khiến người LGBT ngần ngại hơn khi quyết định hợp thức hoá cuộc sống chung của mình theo hình thức hôn nhân. Do vậy có thể họ chỉ lựa chọn hình thức đăng ký kết đôi dân sự để được đảm bảo những quyền lợi pháp luật trong cuộc sống chung. Còn khi vấn đề về kỳ thị được giải quyết, nghĩa là khi họ thoải mái cởi mở về bản thân và nhận lại được sự ủng hộ của xã hội, và khi nhu cầu có con hình thành thể hiện mong ước thiết lập một cuộc sống gia đình của riêng mình, họ thể hiện rõ sự sẵn sàng của mình để bước vào một mối quan hệ hôn nhân đúng theo giá trị và quan niệm văn hoá. (Xem chi tiết tại bảng 7, phụ lục)

Lý giải tỷ lệ hành vi đăng kí kết hôn hoặc kết đôi dân sự trong tương lai thấp hơn so với nhu cầu mong muốn pháp luật thông qua luật thừa nhận hôn nhân, đăng ký sống chung cùng giới chính là quan niệm giá trị kết hôn ở từng cặp đôi. Như đã nêu ở các phần trên, một số cặp đôi đánh giá rất cao tình yêu đích thực giữa hai người, đặc biệt khi không có sự ràng buộc pháp luật, không có sự vun vén của gia đình, v.v mà họ vẫn giữ được lửa hạnh phúc bên nhau. Với những người này, họ e ngại nếu đã ký giấy ràng buộc thì sự dối trá về tình cảm, che giấu về những mối quan hệ bên ngoài giống như những gì đang xảy ra trong hôn nhân của xã hội hiện tại có thể xảy ra với cặp đôi của họ. Như vậy mong muốn luật pháp thừa nhận ở đây nhằm tạo sự bình đẳng, môi trường cởi mở, không kỳ thị chung cho người đồng tính và các cặp đôi của họ. Còn việc các cặp đôi quyết định các thời điểm đăng ký hay không sẽ phụ thuộc rất nhiều nhu cầu và sự lựa chọn cuộc sống của từng cặp đôi đó, phụ thuộc rất nhiều vào hoàn cảnh cụ thể của từng mối quan hệ, vào thời gian, vào hình thức các cặp đôi chia sẻ cuộc sống, vào hoàn cảnh gia đình hai bên, mong muốn về con cái, mong muốn về sự chia sẻ, tình yêu của người đồng giới.. Họ vẫn là những cá nhân tự chủ về mọi mặt trong cuộc sống của mình. Do vậy, có đa số cặp đôi hài lòng với mối quan hệ hiện tại, hài lòng với tình yêu mà họ tìm được và bỏ qua một bên những rủi ro khác trong cuộc sống lứa đôi khi pháp luật cũng như gia đình, xã hội chưa chấp nhận họ. Bên cạnh đó, quan niệm về mối quan hệ lâu dài, hay lập gia đình, thậm chí quan niệm về gia đình có thể rất đa dạng ở thời điểm hiện tại. Điều này có thể thấy thông qua ngay cả sự nảy sinh quan hệ lâu dài không qua hôn nhân đang xuất hiện trong xã hội dị tính.

Một điểm đáng lưu ý là ngay trong chính cộng đồng người đồng tính, có ý kiến tỏ ra khá dè dặt về tiến trình luật hóa hôn nhân đồng giới. Mặc dù đã tồn tại lâu dài trong lịch sử, nhưng vấn đề đồng tính và các vấn đề liên quan mới được đề cập đến gần đây một cách chính thức. Đi kèm với quá trình này là sự thể hiện mình của nhóm các bạn trẻ theo cách được cho là không phù hợp, bao gồm cả những người thích tạo cho mình sự nổi bật và những người choáng ngợp về sự tự do trong thể hiện bản thân mà mình phải giấu kín bấy lâu. Những hành động bột phát vì chưa có đầy đủ kỹ năng sống trong điều kiện được cởi bỏ về mặt luật pháp sẽ có thể làm dấy lên luận xã hội tăng kỳ thị với cộng

đồng người đồng tính hơn. Do vậy độ tuổi kết hôn được coi là một yếu tố quan trọng để cho những cặp đôi có được quyết định chín chắn. Rất nhiều cặp đôi phỏng vấn bày tỏ thái độ không đồng tình với các đám cưới đồng giới trong thời gian qua, đặc biệt khi tuổi đời của các bạn còn quá trẻ. Họ cho rằng sự thể hiện đó chỉ càng làm cho xã hội có cái nhìn sai lệch vì tình yêu của người đồng tính. Quan trọng hơn nữa, ở các cặp đã trải qua mối quan hệ tương đối ổn định thì điều quan trọng hơn cả là cần có thời gian, thử thách để tìm được người thực sự chia sẻ cuộc sống lâu dài với mình.

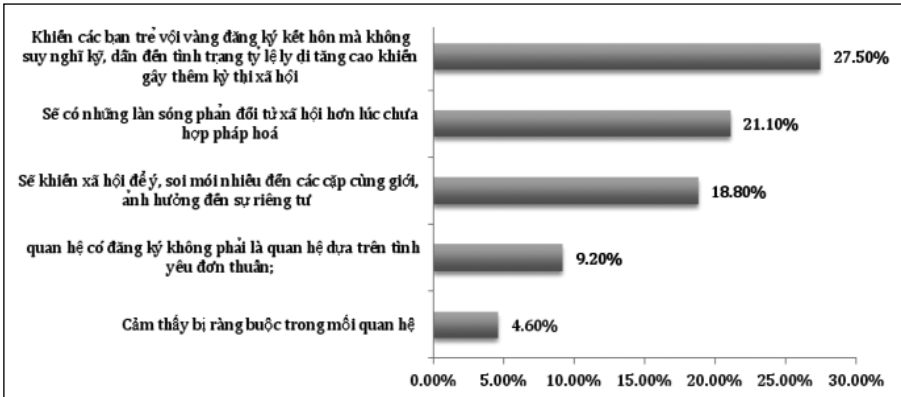
Thực ra nó rất có ích cho những người muốn có một gia đình và họ phải thực sự chín chắn để có thể hiểu được hai chữ gia đình nó là thế nào... khi nhìn lại các bạn ở nhóm rất trẻ, cũng nhìn vào tình yêu của các bạn ấy thì nó thị trường, nó không giống như những gì mình có, mình cũng thấy có khi giới trẻ có xu hướng kí cái giấy kết hôn. luôn có những con sâu làm giàu nổi canh, những cái gì tích cực về phía bọn em thì xã hội chưa chắc đã biết hoặc nhìn nhận, những cái tiêu cực chắc chắn sẽ lên báo rất nhanh. Ví dụ như trường hợp: hai bạn kết hôn cách đây khoảng hai năm rồi tưởng chừng như là tích cực nhưng lại là tiêu cực vì mối quan hệ đấy nó không đi đến đâu cả, vì là hai bạn đấy còn quá trẻ để đưa ra quyết định ấy, bởi vì không dễ dàng một người để có một gia đình để có thể kết hôn nên em rất là trân trọng cái việc đấy, thế nên em không thích cái việc mình trân trọng như thế mà người khác coi như lời nói buông ra là làm, còn cái việc xây dựng ra việc đấy và gìn giữ nó như thế nào thì người ta chưa nghĩ đến (Tiamo, nữ, 28tuổi)

Nhiều người sống chung với nhau đến 8, 10 năm sau đấy người ta mới đăng ký kết hôn. Bây giờ anh cứ khuyến khích hôn nhân đồng tính, bây giờ Việt Nam thông qua cái hôn nhân đồng tính sẽ xảy ra chuyện là các em mà nhỏ nhỏ bây giờ “tôi đồng tính, tôi có người yêu, tôi ra đăng kí kết hôn”. Cái đó gây ra một cái khác biệt thái quá, người ta làm quá vấn đề đó đi... các bạn trẻ bé xiu như vậy cứ đi ra tôi là đồng tính, tôi đi ra tôi đám cưới, tôi đi ra tôi đăng kí. Nhiều người vẫn chưa định hình được ngay cái bản thân mình, ở cái độ tuổi 20, 21 tuổi, mình vẫn chưa định hình được rõ ràng mình là người đồng tính hay không. Giống như đi chuyển đổi giới tính, anh phải thử thách về tâm lý để người ta xác định rõ anh là người như thế nào, anh là đồng tính, anh phải chuyển giới hay như thế nào. Chứ không phải tôi

thấy là ô bé kia nhìn rất là cool, ok bây giờ tôi thay đổi cách ăn mặc như nó tôi thành người đồng tính. Không có suy nghĩ hậu quả thế nào, bây giờ chỉ thấy người ta làm là mình cũng làm. Nhưng mà sau đó cái tỉ lệ ly dị rất là cao. Làm những chuyện khiến cho xã hội hiểu càng sai hơn về người đồng tính. (Jimmy, nữ, 28tuổi)

Kết quả phân tích số liệu định lượng cho thấy, với 2592 người trả lời câu hỏi về các lo ngại khi pháp luật công nhận hôn nhân đồng tính, có đến 59% cho biết họ không cảm thấy có điều gì đáng quan ngại với việc này. Với số còn lại, những mối lo ngại của họ được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 4: Những lo ngại khi pháp luật công nhận hôn nhân đồng tính (n = 2592)



Phân tích những mối lo ngại trên theo giới tính sinh học, có thể nhận thấy khá rõ nét sự khác biệt trong mối quan tâm của hai giới. Nhóm nam có xu hướng lo ngại rằng các mối quan hệ cùng giới sẽ trở nên bị ràng buộc hơn so với nhóm nữ (5.6% nam so với 2.6% nữ), họ cũng có xu hướng cho rằng khi được công nhận hợp pháp, các mối quan hệ được đăng ký sẽ không còn là quan hệ dựa trên tình yêu đơn thuần (10.7% nam so với 6.3% nữ); và nhóm nam lo ngại về sự soi mói của xã hội đến đời sống riêng tư hơn so với nhóm nữ (20% nam so với 16.6% nữ). Ngược lại, nhóm nữ có xu hướng lo ngại về sự vội vàng kết hôn của các bạn LGBT trẻ tuổi có thể khiến tạo nên các tác động ngược và làm tăng kỳ thị xã hội đối với LGBT hơn so với nhóm nam (29.5% nữ so với 26.5% nam).

Cho dù còn một số ý kiến quan ngại về nhận thức ngay trong chính cộng đồng đồng tính chưa tốt sẽ dẫn tới những quyết định chóng vánh trong hôn nhân, tất cả đều cho rằng cần bỏ điều cấm kết hôn giữa hai người cùng giới trong luật hiện hành

Thực sự luật dừng cấm, Jimmy nghĩ là luật cứ cái gì không quản lý được là cấm. Cứ cấm hết đi rồi từ từ tính. Muốn vận muốn bẻ rồi từ từ tính, cứ cấm trước cái đã. Cấm là tuyệt đường người ta, cấm không để người ta phát triển được. Và lúc đó mọi người cứ nhìn vào những người như vậy là nghĩ những người đồng tính là những người suốt ngày làm chuyện bậy bạ, làm nghề thấp hèn. Không phải là người ta muốn như vậy mà là xã hội không cho phép, không cho người ta cơ hội để phát triển. Mà thực sự những cơ quan ban ngành và những tổ chức cũng không hỗ trợ để những bạn như vậy có cơ hội phát triển. Cái vấn đề nằm ở chỗ đó thôi. (Jimmy, nữ, 28 tuổi)

6.2. Hệ quả khi pháp luật không thừa nhận sống chung cùng giới

Dù trong nghiên cứu này chỉ có 1 người chuyển giới từ nam sang nữ, nhưng nếu pháp luật ở Việt Nam chưa công nhận chuyển đổi giới tính thì người này vẫn được coi là nam giới và đang chung sống với người nam giới khác và cũng gặp phải những khó khăn đặc thù như những cặp đồng tính khác. Phần “Những khó khăn trong cuộc sống chung” đã phân tích khá nhiều các hậu quả liên quan đến cuộc sống chung giữa hai người cùng giới khi pháp luật không thừa nhận. Ở phần này, chúng tôi muốn chỉ thêm một số các hệ quả trong tương lai mà các cặp đôi đồng tính có thể gặp phải.

Thứ nhất, Việt Nam hiện chỉ qui định hỗ trợ sinh sản cho các cặp vợ chồng hiếm muộn, nếu những người đồng tính nam muốn có con đẻ, họ phải sử dụng đến dịch vụ đẻ thuê. Trong trường hợp này, người nam đồng tính cùng chung sống cũng không thể nhận là bố nuôi vì pháp luật qui định khi mối quan hệ con nuôi đã được xác định thì bố mẹ đẻ không còn quyền và nghĩa vụ với người con này nữa (Khoản 4, điều 24, Luật Nuôi con nuôi 2010). Như vậy, rất khó duy trì cả quyền và nghĩa vụ của hai người đồng tính với đứa con. Tương tự như vậy, khi một người đồng tính nữ sinh con, người đồng giới cùng chung sống cũng không

thể nhận là mẹ nuôi của đứa con và do đó không thể thực hiện quyền giám hộ khi cần thiết.

Thứ hai, cho dù hai người trong cặp đôi đồng tính đã có sự sắp xếp tài sản trong quá trình chung sống, nhưng người này sẽ không được quyền thừa kế tài sản của người kia nếu một trong hai người qua đời đột ngột. Trong hoàn cảnh này, sẽ có những tài sản chung phải bán đi để trả phần giá trị đó cho người nhà của người đã mất. Trong cuộc sống chung, nhiều tài sản không chỉ mang ý nghĩa giá trị vật chất mà còn có thể mang giá trị tinh thần, đặc biệt khi một người đã ra đi. Điều này có thể gây ra những trải nghiệm tâm lý rất nặng nề cho người ở lại. Bên cạnh đó, không phải lúc nào mua một món đồ chung, hai người đều thực hiện thủ tục đăng ký dân sự về sở hữu chung tài sản.

Số liệu định lượng đã chỉ ra một loạt các tác động tiêu cực có thể kéo đến cho bản thân cộng đồng LGBT, cho gia đình của họ và cho cả xã hội nói chung khi không có sự công nhận pháp luật với kết hôn hay kết đôi cùng giới.

Những tác động đến cộng đồng LGBT: sự kỳ thị xã hội sẽ còn tiếp tục tiếp diễn (87%), người LGBT có thể bị trở thành nạn nhân của bạo lực gia đình hoặc bạo lực học đường (87.8%), không dám bộc lộ xu hướng tình dục (95.5%), kéo theo nhiều người kết hôn dị tính giả (89%), không được đảm bảo quyền yêu thương và kết đôi (94%), không được đảm bảo sức khỏe tinh thần (93.9%), và không có được đời sống và sức khỏe tình dục viên mãn (92.5%).

Về các tác động đến gia đình của LGBT, kết quả điều tra cho thấy: nếu không có sự công nhận của pháp luật, các gia đình của người LGBT còn phải chịu sự kỳ thị xã hội nặng nề (74.9%) vấn đề bạo hành gia đình sẽ còn tiếp diễn (62.4%).

Với xã hội nói chung, khi không có sự công nhận pháp luật với kết hôn cùng giới, người tham gia trong nghiên cứu này nhận định rằng, sự kỳ thị của xã hội đối với người LGBT sẽ còn tiếp diễn nặng nề (71.2%), từ đó khiến người LGBT không tự tin tham gia đóng góp tích cực vào các hoạt động kinh tế - xã hội (78.1%), làm gia tăng nguy cơ lây lan HIV và các bệnh lây truyền qua đường tình dục (82.1%).

7. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

7.1. Kết luận

Về cộng đồng LGBT:

- Mặc dù tỷ lệ tập trung và số lượng người cởi mở bộc lộ ở Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội cao hơn, có thể nhận thấy cộng đồng LGBT ở Việt Nam hiện có mặt ở khắp toàn quốc, là một cộng đồng đa dạng về bản dạng tính dục, các đặc thù kinh tế - xã hội.
- Mặc dù xã hội Việt Nam cho thấy ngày càng cởi mở hơn về chủ đề LGBT, việc bộc lộ khuynh hướng tính dục của LGBT vẫn còn chưa phổ biến. Gia đình và xã hội chưa là một môi trường thân thiện/an toàn cho việc bộc lộ khuynh hướng tính dục cho hầu hết LGBT.
- Hiện nay, LGBT vẫn còn trải nghiệm nhiều dạng thức kỳ thị và phân biệt đối xử dựa trên đặc điểm tính dục. Cụ thể như: bị lăng mạ, nói xấu hoặc bêu riếu, bị đuổi khỏi nhà, mất cơ hội học tập hoặc việc làm, vv...

Về bản chất quan hệ cùng giới hiện nay ở Việt Nam

- Mặc dù còn ít người biết đến và sự quan tâm của cộng đồng nói chung còn hạn chế. Quan hệ tình cảm và cách tổ chức cuộc sống gia đình của những người cùng giới ở Việt Nam hiện đang tồn tại, khá phổ biến trong các nhóm LGBT.
- Lý do quyết định sống chung đa phần là: Để hỗ trợ nhau về tinh thần, tình cảm, tạo cảm giác cuộc sống ổn định và an toàn (87.5%); để thể hiện tình yêu, cam kết cuộc sống chung thủy (81%), để tạo dựng kế hoạch cuộc sống lâu dài sau này (70%).

- Các yếu tố tác động đến việc hiện thực hoá cuộc sống chung bao gồm: sự độc lập và trưởng thành trong cuộc sống như có công việc làm, thu nhập ổn định. Quyết định về sống chung đơn thuần là quyết định của cá nhân hai người. Hầu như gia đình bố mẹ hai bên đều không biết đến bản chất của cuộc sống chung này, nhưng họ dần nhận ra theo thời gian của mối quan hệ, đặc biệt ở những cặp có quan hệ sống chung từ 4 - 5 năm trở lên.
- Các cặp đôi chung sống cùng giới thể hiện các khía cạnh trong cuộc sống chung khá tương đồng với vợ chồng dị tính, đó là thể hiện tình cảm và trách nhiệm với người cùng chung sống, chia sẻ và đóng góp vật chất phục vụ cuộc sống chung, thể hiện tình cảm và trách nhiệm với gia đình hai bên, từng bước đặt ra các kế hoạch cho cuộc sống lâu dài như bọc lộ mối quan hệ với gia đình, bạn bè, sầm tài sản, sinh con hoặc nhận con nuôi.
- Có nhiều hình thức để các cặp đôi cùng giới chia sẻ trách nhiệm về kinh tế cũng như các sắp xếp trong cuộc sống chung. 44% các cặp đôi cùng đóng góp thu nhập để chi tiêu, bên cạnh đó, một số có quan hệ tài chính theo mô hình một người chu cấp cho người còn lại. Chia sẻ trách nhiệm tài chính và tài sản còn thể hiện trong việc sở hữu chung nhà đất (15.8%) hay các tài sản giá trị lớn (28%) hay cùng góp vốn kinh doanh chung (18.4%).
- Không có sự phân chia giới rõ rệt trong thể hiện vai trò và trách nhiệm ở cuộc sống chung như các cặp vợ chồng dị tính mặc dù ở một số cặp sử dụng cách xưng hô như vợ chồng dị tính.

Những khó khăn trong thực tế cuộc sống của các cặp đôi cùng giới

- Mặc dù họ có nhiều cách thức để sắp xếp ổn định cuộc sống và tương lai, họ đang trải nghiệm nhiều khó khăn trong cuộc sống và tình yêu. Những khó khăn này có thể đến từ gia đình, kỳ thị xã hội, sự không công nhận trong các quan hệ pháp luật, và ở ngay chính những cặp đôi cùng giới.
- Bản thân những cặp đôi cùng giới cũng có những mâu thuẫn nảy sinh trong cuộc sống hàng ngày. Trên thực tế, việc giải quyết mâu thuẫn giữa các cặp đôi cũng rất khó khăn khi họ phải tự dàn xếp mà ít có ủng hộ từ phía gia đình hay người thân xung

quanh. Tuy nhiên, các cặp đôi đều thể hiện sự nỗ lực từ phía từng cá nhân, cũng như đặt ra sự thống nhất chung trong giải quyết mâu thuẫn để hướng tới mục đích duy trì mối quan hệ vì họ cho rằng việc tìm người bạn đời cùng giới và phù hợp với mình không phải là dễ.

- Cảm nhận những khó khăn tác động đến cuộc sống chung từ môi trường bên ngoài là rõ nhất. Đó là chưa có sự thừa nhận từ gia đình và pháp luật. Các khó khăn từ phía gia đình thường mang tính thần, tình cảm và các hỗ trợ trong cuộc sống. Trong khi đó, việc pháp luật không thừa nhận hôn nhân cùng giới khiến các cặp đôi không thể hưởng các quyền lợi thiết thực liên quan đến cuộc sống chung như quyền đại diện cho nhau, nhận con nuôi, hưởng một số phúc lợi hay quyền thừa kế. Hơn thế nữa, việc chưa thừa nhận của luật pháp cũng được xem là một yếu tố tác động khiến cho xã hội vẫn còn giữ thái độ kỳ thị với người đồng tính. Hầu hết người tham gia nghiên cứu đều cho rằng nếu pháp luật thừa nhận hình thức chung sống cùng giới sẽ là một bước tiến giúp tăng nhận thức xã hội, giảm kỳ thị và phân biệt đối xử với người đồng tính và tạo môi trường tốt đẹp để các cặp đồng tính nuôi con.
- Những khó khăn mà các cặp đôi cùng giới trải nghiệm có liên hệ mật thiết đến những trải nghiệm của họ với sự kỳ thị từ gia đình và xã hội. Các cặp đôi đã từng trải nghiệm kỳ thị, những người sống khép kín không bộc lộ về khuynh hướng tính dục có xu hướng trải nghiệm khó khăn trong cuộc sống lứa đôi cùng giới nhiều hơn. Trong khi những người được gia đình ủng hộ và cởi mở về khuynh hướng tính dục có xu hướng ít gặp khó khăn trong quan hệ cùng giới hơn hẳn.

Nhu cầu của các cặp đôi cùng giới và cộng đồng LGBT nói chung đối với hợp pháp hoá hôn nhân cùng giới

- Có 66% người điều tra trực tuyến cho biết sẽ lựa chọn hình thức kết hôn với người cùng giới nếu được pháp luật công nhận. Còn với những người trong độ tuổi kết hôn, tỷ lệ này cao hơn hẳn (76,8%). Những người cho biết sẽ kết hôn cùng giới có xu hướng là những người cởi mở về khuynh hướng tính dục, được gia đình ủng hộ, có mối quan hệ gắn kết với gia đình hai bên tốt hoặc

trung bình, và mong muốn có con trong tương lai. Ngược lại, những người cho biết họ sẽ không đăng ký dưới bất kỳ hình thức nào thường là những người khép kín, đã từng trải nghiệm kỳ thị, bị cha mẹ hoặc gia đình phản đối quan hệ cùng giới, và không mong muốn có con trong tương lai. Điều này gợi ý sự gắn kết chặt chẽ giữa nhu cầu được công nhận pháp luật và mong muốn thiết lập mối quan hệ gia đình bền chặt được pháp luật bảo hộ của cộng đồng LGBT ở Việt Nam.

- Hầu hết (97,4%) người tham gia trả lời mong muốn pháp luật có những hình thức công nhận sự tồn tại và cung cấp bảo hộ đối với quan hệ cùng giới do nhận thức khá nhiều hậu quả gây ra cho người đồng tính, mưu cầu hạnh phúc của người đồng tính cũng như gia đình họ. Bên cạnh đó, người tham gia nghiên cứu cũng bày tỏ sự hứng khởi đối với các tác động tích cực đến đời sống của LGBT và gia đình của họ khi quan hệ cùng giới được pháp luật và xã hội công nhận.

7.2. Khuyến nghị

Từ những kết quả nghiên cứu nêu trên, chúng tôi xin đưa ra một số hướng can thiệp để đảm bảo nhu cầu, quyền bình đẳng trong bảo vệ quyền lợi cũng như nghĩa vụ về cuộc sống chung với người bạn đời cùng giới của những người đồng tính:

Sửa luật Hôn nhân và Gia đình để thừa nhận hình thức kết hôn đồng giới

Đây là một giải pháp quan trọng vì nó vừa bảo vệ quyền bình đẳng của người đồng tính, gia đình họ cũng như giúp giải quyết các hậu quả pháp lý phát sinh khi hai người cùng giới sống chung và thiết lập quan hệ gia đình. Bên cạnh đó, pháp luật cũng là công cụ để giáo dục, chính vì vậy, việc thừa nhận quan hệ cùng giới là hợp pháp và bình đẳng sẽ giúp giảm kỳ thị, phân biệt đối xử cũng như bạo lực với người đồng tính cũng như các thành viên của gia đình họ.

Rà soát các luật liên quan để bổ sung quyền của người LGBT

Bên cạnh sửa Luật HN&GD công nhận hôn nhân bình đẳng, Việt Nam nên có một lộ trình rõ ràng trong việc sử dụng các luật liên quan để bảo

vệ quyền của cặp đôi cùng giới. Ví dụ, các Luật dân sự, Luật lao động, hoặc Luật phòng chống bạo lực gia đình nên có hướng dẫn bổ xung thực hiện nội dung liên quan đến cặp đôi cùng giới, hoặc trong các lần sửa đổi tới cần đưa nội dung bảo vệ quyền bình đẳng và hợp pháp của các cặp đôi cùng giới.

Truyền thông cho toàn xã hội về sự đa dạng tính dục

Nghiên cứu này cũng như các nghiên cứu khác đã chỉ ra việc truyền thông đóng vai trò quan trọng trong việc thay đổi nhận thức của xã hội đối với người đồng tính. Việc thay đổi xã hội có thái độ tích cực với người đồng tính và về quan hệ cùng giới, không phải chỉ là trách nhiệm của người đồng tính và các tổ chức xã hội dân sự. Nó phải là trách nhiệm của các cơ quan nhà nước, các thể chế giáo dục cũng như các thể chế xã hội khác. Chính vì vậy, cần đưa nội dung đa dạng tính dục vào trường học cũng như các chương trình ngoại khóa học sinh và sinh viên.

Truyền thông cho chính cộng đồng người đồng tính về hôn nhân và gia đình về quyền của họ

Đây cũng là một nội dung quan trọng. Khi người đồng tính tự tin về bản thân mình, về quyền của mình thì họ có thể đối phó tốt hơn với những bất công phải đối mặt. Việc này nên làm cùng các tổ chức xã hội dân sự, các mạng lưới của người đồng tính. Đặc biệt, việc xây dựng các thể chế như CLB của người đồng tính (LGBT club) hoặc Liên minh bảo vệ quyền của người đồng tính (Straight-Gay Alliance) ở trong trường đại học, hoặc trong xã hội là cần thiết. Nó giúp người đồng tính tự tin hơn, và sẵn sàng tham gia vào các hoạt động xã hội nhiều hơn.

Tư vấn và tổ chức các lớp “tiền hôn nhân” cho các cặp đồng tính

Cũng giống như các bạn trẻ dị tính, đây cũng là một nhu cầu của người đồng tính. Cuộc sống lứa đôi và gia đình cần phải được chuẩn bị để họ có thể đối mặt được với những khác biệt khi chuyển về sống chung và cam kết gắn bó với nhau. Điều này còn quan trọng hơn cho người đồng tính vì họ vẫn phải đối mặt với những kỳ thị trong xã hội và ở gia đình. Công việc này nên được lồng ghép vào các chương trình tư vấn về hôn nhân và gia đình cho thanh niên nói chung. Bên cạnh đó, có thể kết hợp với các tổ chức xã hội dân sự hoặc cộng đồng LGBT để thực hiện.

Tiếp tục các hoạt động làm giảm kỳ thị liên quan đến LGBT trong các bối cảnh khác nhau, đặc biệt với các gia đình của người LGBT

Cuối cùng, điều quan trọng nhất là việc con người được sống bình đẳng, trong môi trường không bị kỳ thị và phân biệt đối xử. Bên cạnh việc xây dựng luật bảo vệ quyền của người đồng tính, truyền thông, và xây dựng cộng đồng LGBT, các hỗ trợ khác như trợ giúp pháp lý, tham vấn pháp lý hoặc phòng chống bạo lực cho cộng đồng LGBT là cần thiết. Đây là những dịch vụ thiết thân cho người LGBT, đồng thời là nguồn bằng chứng để làm công tác vận động chính sách và xã hội tốt hơn.

Các bảng phân tích tương quan

Bảng 5: Các nhân tố tương quan với việc cởi mở về xu hướng tính dục LGBT

	% Bộc lộ với gia đình	% Bộc lộ với bạn thân hoặc nhóm bạn thân	% Bộc lộ với đồng nghiệp, bạn học	% Bộc lộ với người khác
Giới tính sinh học				
Nam	8.80	47.70	15.50	3.30
Nữ	13.90	61.90	19.60	4.60
Giá trị Phi coefficient, p	0.133 ***	0.152***	0.096***	0.077**
Nhóm tuổi				
16-24	9.80	54.40	17.50	3.70
25-34	15.10	42.00	11.40	4.20
35-49	17.20	15.40	17.90	-
Giá trị Phi coefficient, p	-	0.158***	0.098**	-
Nơi cư trú				
Thành thị, trung tâm thành phố	11.20	56.00	18.50	3.80
Ngoại thành	8.40	43.20	10.80	3.90
Nông thôn	6.40	25.50	9.10	-
Giá trị Phi coefficient, p	-	0.156***	0.098***	-
Địa bàn				

Hà Nội	13.20	53.50	17.50	5.80
Đà Nẵng	7.10	37.20	10.30	0.00
TP Hồ Chí Minh	9.50	56.70	19.00	3.40
Các tỉnh miền Bắc khác	9.30	30.60	6.40	-
Các tỉnh miền Trung khác	6.20	42.60	10.40	-
Các tỉnh miền Nam khác	11.10	48.10	14.40	4.10
Giá trị Phi coefficient, p	-	0.163***	0.131***	-
Trình độ học vấn				
THCS	10.30	51.20	25.10	6.10
PTTH	17.40	58.50	21.50	8.50
Trung cấp, cao đẳng, đại học và cao hơn	9.70	52.00	14.50	2.70
Giá trị Phi coefficient, p	0.092**	-	0.116***	0.121***
Tình trạng Nghề nghiệp				
Thất nghiệp/không đi làm/các công việc không tạo thu nhập	14.20	53.40	15.20	4.10
Đi làm toàn thời gian	14.20	48.70	16.40	5.60
Đang đi học/ vừa đi học vừa đi làm bán thời gian	8.10	54.50	17.40	2.80
Giá trị Phi coefficient, p	0.120***	0.076*	0.091**	0.071*
Xu hướng tính dục				
Đồng tính	12.30	56.30	19.00	4.10
Lưỡng tính	4.10	40.80	6.90	0.90
Người chuyển đổi giới tính	16.00	73.50	38.80	12.20
Cởi mở	2.60	43.80	9.10	3.80
Chưa rõ, chưa xác định	1.90	18.90	2.90	0
Giá trị Phi coefficient, p	0.181***	0.209***	0.206***	0.158***

Ghi chú: *: $p < 0.05$; **: $p < 0.01$; ***: $p < 0.001$

Bảng 6: Các nhân tố tương quan với dự định kết hôn dị tính của người LGBT

	Sẽ kết hôn hoặc đang suy nghĩ về điều đó
Giới tính sinh học	
Nam	50.30%
Nữ	43.20%
Giá trị Phi coefficient, P	0.067, $p < 0.005$
Bản dạng tính dục	
Đồng tính	39.20%
Song tính	85.00%
Chuyển giới	23.70%
Cởi mở	82.50%
Chưa xác định	77.00%
Dị tính	84.20%
Giá trị Phi coefficient, P	0.363, $p < 0.001$
Tỉnh/thành	
Hà Nội	51.10%
Đà Nẵng	41.20%
TP Hồ Chí Minh	45.30%
Các tỉnh miền Bắc khác	65.20%
Các tỉnh miền Trung khác	50.00%
Các tỉnh miền Nam khác	50.40%
Giá trị Phi coefficient, P	0.096, $p < 0.01$
Địa bàn	
Thành phố, đô thị	46.20%

Ngoại thành	50.00%
Nông thôn	67.50%
Giá trị Phi coeficient, P	0.089, p<0.001
Bộc lộ	
Hoàn toàn bộc lộ với gia đình	28.00%
Úp mở với gia đình	34.60%
Hoàn toàn bí mật với gia đình	56.50%
Giá trị Phi coeficient, P	0.237, p<0.001
Hoàn toàn bộc lộ với bản thân	35.60%
Úp mở với bạn thân	55.30%
Hoàn toàn bí mật với bạn thân	65.50%
Giá trị Phi coeficient, P	0.244, p<0.001

Bảng 7: Phân tích tương quan với trải nghiệm khó khăn trong quan hệ cùng giới

	Nam		Nu		Chung	
	% Không gặp khó khăn gì	% Có gặp ít nhất một loại khó khăn	% Không gặp khó khăn gì	% Có gặp ít nhất một loại khó khăn	% Không gặp khó khăn gì	% Có gặp ít nhất một loại khó khăn
Bộc lộ về khuynh hướng tính dục với toàn bộ	46.20	53.80	21.10	78.90	31.20	68.80
Úp mở, bộc lộ một phần, theo từng tình huống	11.60	88.40	10.20	89.80	11.00	89.00
Hoàn toàn không bộc lộ	14.10	85.90	10.00	90.00	13.30	86.70

Giá trị Phi coefficient, p	0.157, P=0.001		-		0.114, p<0.01	
cha và mẹ ung ho hoặc phan nao ung ho	24.00	76.00	10.00	90.00	17.80	82.20
cha và mẹ đều không có y kiến, trung tính	16.00	84.00	20.00	80.00	17.90	82.10
cha và mẹ phản đối, hoặc phản nào phản đối	5.60	94.40	2.00	98.00	4.10	95.90
Giá trị Phi coefficient, p	0.223, P=0.001		0.271, p<0.001		0.219, p<0.001	
Chưa từng trải nghiệm kỳ thị	17.60	82.40	16.70	83.30	17.20	82.80
Đã từng trải nghiệm ít nhất một dạng kỳ thị	5.10	94.90	5.80	94.20	5.40	94.60
Giá trị Phi coefficient, p	0.185, p<0.001		0.159, p<0.01		0.175, p<0.001	

Bảng 8: Phân tích tương quan với việc lựa chọn các hình thức đăng ký nếu như được pháp luật cho phép

	% Nam			% Nữ			% Chung		
	Sẽ không đăng ký	Sẽ đăng ký kết hôn	Sẽ đăng ký theo hình thức kết đôi dân sự	Sẽ không đăng ký	Sẽ đăng ký kết hôn	Sẽ đăng ký theo hình thức kết đôi dân sự	Sẽ không đăng ký	Sẽ đăng ký kết hôn	Sẽ đăng ký theo hình thức kết đôi dân sự
Bộc lộ về khuynh hướng tính dục với toàn bộ	0.00%	94.40%	5.60%	4.80%	71.40%	23.80%	2.60%	82.10%	15.40%
Úp mở, bộc lộ một phần, theo từng tình huống	5.80%	70.90%	23.30%	4.30%	78.50%	17.10%	5.30%	73.70%	21.10%
Hoàn toàn không bộc lộ	17.90%	54.90%	27.20%	2.40%	70.70%	26.80%	14.80%	58.10%	27.10%
Giá trị Phi coefficient, p	0.19, p <0.001			-			0.149, p <0.001		
1, Hoan toan boc lo, chia se voi gia dinh	3.80%	82.10%	14.20%	3.70%	78.00%	18.30%	3.70%	80.30%	16.00%

Chi boc lo mot phan, up mo	3.20%	75.50%	21.30%	2.20%	84.30%	13.50%	2.80%	79.10%	18.20%
Hoan toan bi mat, khong boc lo	10.20%	63.70%	26.10%	5.50%	73.20%	21.30%	8.80%	66.60%	24.60%
Giá trị Phi coefficient, p	0.167, p <0.001			0.129, p <0.05			0.157, p <0.001		
cha va me ung ho hoac phan nao ung ho	2.00%	83.70%	14.30%	5.00%	75.00%	20.00%	3.40%	79.80%	16.90%
cha va me deu khong co y kien, trung tinh	1.20%	77.80%	21.00%	1.40%	82.90%	15.70%	1.30%	80.10%	18.50%
cha va me phan doi, hoac phan nao phan doi	6.30%	63.60%	30.10%	4.00%	75.80%	20.20%	5.40%	68.60%	26.00%
Giá trị Phi coefficient, p	0.2, p <0.05			-			0.143, p <0.05		

Gắn kết với gia đình tốt	2.50%	77.80%	19.80%	1.60%	81.00%	17.50%	2.10%	79.20%	18.80%
Gắn kết với gia đình hai bên trung bình	2.90%	73.90%	23.20%	3.60%	71.40%	25.00%	3.20%	72.80%	24.00%
Gắn kết với gia đình hai bên không tốt	11.00%	60.70%	28.30%	4.30%	74.30%	21.40%	8.80%	65.10%	26.00%
Giá trị Phi coefficient, p	0.2, p <0.05			-			0.165, P=0.01		
Muốn có con	4.80%	71.00%	24.20%	2.30%	81.10%	16.60%	3.90%	74.70%	21.40%
Không muốn có con	18.10%	58.30%	23.60%	16.70%	63.00%	20.40%	17.50%	60.30%	22.20%
Chưa tính đến	9.80%	66.60%	23.70%	3.20%	74.20%	22.60%	7.40%	69.30%	23.30%
Giá trị Phi coefficient, p	0.144, p<0.001			0.221, p<0.001			0.157, p<0.001		

Bảng 9: Tương quan với mong muốn có con trong tương lai

	% Nam			% Nữ			% Chung		
	Muốn có con	Không muốn có con	Chưa tính đến	Muốn có con	Không muốn có con	Chưa tính đến	Muốn có con	Không muốn có con	Chưa tính đến
Bộc lộ về khuynh hướng tính dục với toàn bộ	64.30	7.10	28.60	85.00	0.00	15.00	76.50	2.90	20.60
Úp mở, bộc lộ một phần, theo từng tình huống	63.40	5.80	30.70	59.90	8.60	31.50	62.10	6.90	31.00
Hoàn toàn không bộc lộ	52.60	9.10	38.30	59.00	10.30	30.80	53.90	9.30	36.80
Giá trị Phi coefficient, giá trị p	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1, Hoàn toàn bộc lộ, chia sẻ với gia đình	66.30	7.60	26.10	74.40	10.30	15.40	70.00	8.80	21.20
Chỉ bộc lộ một phần, up mo	65.60	4.80	29.60	64.40	6.00	29.60	65.10	5.30	29.60
Hoàn toàn bí mật, không bộc lộ	58.90	7.40	33.70	54.60	10.00	35.30	57.60	8.20	34.20
Giá trị Phi coefficient, giá trị p	-	-	-	0.163, p=0.005	0.107, p=0.001	-	-	-	-

Gắn kết với gia đình tốt	71.40	10.40	18.20	79.00	3.20	17.70	74.80	7.20	18.00
Gắn kết với gia đình hai bên trung bình	67.60	11.80	20.60	66.10	8.90	25.00	66.90	10.50	22.60
Gắn kết với gia đình hai bên không tốt	62.20	9.10	28.70	55.20	9.00	35.80	60.00	9.00	31.00
Giá trị Phi coefficient, giá trị p	-	-	-	-	-	-	-	0.143 , p<0.05	-
Không song chung	61.30	7.90	30.80	62.40	6.60	30.90	61.80	7.40	30.80
Song chung	66.70	7.20	26.10	82.40	5.90	11.80	73.30	6.70	20.00
Giá trị p	-	-	-	-	0.146, p <0.05	-	-	0.081 , p <0.05	-
Duoi 3 thang	59.90	6.10	34.00	52.10	2.10	45.80	57.90	5.10	36.90
3 den 6 thang	57.60	7.10	35.30	54.00	12.00	34.00	56.30	8.90	34.80
6 thang den 1 nam	69.70	7.30	22.90	76.40	5.60	18.10	72.40	6.60	21.00
1 nam den 2 nam	64.40	11.00	24.60	69.60	3.30	27.20	66.70	7.60	25.70
2 den 5 nam	63.10	9.00	27.90	63.60	8.30	28.10	63.40	8.60	28.00
5 den 10 nam	51.70	-	27.60	74.30	14.30	11.40	64.10	17.20	18.80
Giá trị Phi Coefficient, Giá trị p	-	-	-	-	-	-	-	0.173, p=0.005	-

khong di lam, hoac cac cong viec khogn thu nhap	57.00	8.60	34.40	54.20	14.60	31.20	56.00	10.60	33.30
Di lam toan thoi gian	63.20	7.30	29.50	70.50	6.70	22.80	65.80	7.10	27.10
Con dang di hoc	62.00	6.20	31.80	58.40	8.70	32.90	60.70	7.10	32.20
Giá trị Phi coefficient, giá trị p	-	0.131, p <0.05			-				
Khong thu nhap	60.90	5.70	33.50	55.70	6.10	38.10	59.00	5.80	35.10
Duoi 1 trieu 1 thang	57.70	8.70	33.70	54.00	17.50	28.60	56.30	12.00	31.70
1 den duoi 3 trieu 1 thang	64.10	7.30	28.60	64.10	11.50	24.40	64.10	9.00	26.90
tu 3 den duoi 5 trieu 1 than g	66.00	5.00	29.10	69.50	7.30	23.20	67.30	5.80	26.90
u 5 den duoi 10 trieu	61.90	7.60	30.50	74.60	3.40	22.00	66.10	6.20	27.70
10 trieu tro len	61.50	10.40	28.10	66.70	9.30	24.10	63.30	10.00	26.70
Giá trị p	-	<0.01			<0.05				
Hien dang co nguoi yeu cung gioi	62.60	8.30	29.10	66.10	6.90	27.00	64.10	7.70	28.20
hien khong co nguoi yeu	61.10	4.90	34.00	53.30	11.70	35.00	58.70	7.00	34.30
Giá trị Phi coefficient, giá trị p	0.078 , p <0.05			0.130, p<0.001			0.065, p <0.05		

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Colby DJ. HIV knowledge and risk factors among men who have sex with men in Ho Chi Minh City, Vietnam. J Acquir Immune Defic Syndr. 2003 Jan 1;32(1):80-5.
2. Colby D, Cao NH, Doussantousse S. Men who have sex with men and HIV in Vietnam: a review. AIDS Educ Prev. [Review]. 2004 Feb;16(1):45-54.
3. Blanc M-E. Social construction of male homosexualities in Vietnam. Some keys to understanding discrimination and implications for HIV prevention strategy. International Social Science Journal. 2005;57(186):661 - 73.
4. Ngo AD, Ross MW, Phan H, Ratliff AE, T T. Male homosexual identities, relationships, and practices among young men who have sex with men in Vietnam: Implications for HIV prevention. . AIDS Educ Prev. 2009;21(3):251-8
5. Trang NQ, Nam NTT, Thủy NT, Bình LQ. Sống trong một xã hội dị tính - Câu chuyện của 40 người nữ yêu nữ. Hà Nội: Nhà xuất bản thế giới; 2010.
6. Hương NT, Nam NT. Thực trạng trẻ em đường phố là LGBT. Hà Nội: Save the Children & ISEE2012.
7. Phương PQ, Bình LQ, Tú MT. Khát vọng được là chính mình. Hà Nội: ISEE2012.
8. Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam - Các kết quả chủ yếu. Hà Nội: Ban chỉ đạo tổng điều tra dân số và nhà ở trung ương; 2010.
9. Hồng KT. Men who have sex with men in Hanoi: Social profile and sexual health issues. Hà Nội: ISDS - The POLICY Project2005.
10. Son DT. Commodification of Pleasure: A Study of Male Migrant Sex Worker in Hanoi, Vietnam. Bangkok: Mahidol University; 2007.
11. Survey Assessment of Vietnamese Youth 2: SAVY 2. Hanoi: Ministry of Health & General Office of Population and Family Planning; 2010.

NHÀ XUẤT BẢN THẾ GIỚI
Trụ sở: 46 Trần Hưng Đạo, Hà Nội, Việt Nam
Tel: 84.4.38253841 - 38262996
Fax: 84.4.38269578
Chi nhánh: 7 Nguyễn Thị Minh Khai, Q1, TP. HCM, Việt Nam
Tel: 84.8.38220102
Email: thegioi@hn.vnn.vn
Website: www.thegioipublishers.com.vn

SỐNG CHUNG CÙNG GIỚI

Trải nghiệm thực tế và Mơ cầu hạnh phúc lứa đôi

Chịu trách nhiệm xuất bản

TRẦN ĐOÀN LÂM

Biên tập:

Trình bày: ...

Sửa bản in:

In bản, khổ 15,7 x 23 cm, tại TT Chế bản và In - Công ty TNHH MTV NXB Thế Giới.
Giấy chấp nhận đăng ký KHXB số:-2013/CXB/...-.../ThG, cấp ngày ... tháng ... năm 2013.
Quyết định xuất bản số:/QĐ-ThG cấp ngày tháng năm 2013.
In xong và nộp lưu chiểu năm 2013.